

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG



ISO 9001 : 2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Nguyễn Thị Thu Trang

Giảng viên hướng dẫn: ThS. Văn Hồng Ngọc

HẢI PHÒNG - 2016

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG
TIỀN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG FCT
VIỆT NAM**

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Nguyễn Thị Thu Trang

Giảng viên hướng dẫn : ThS. Văn Hồng Ngọc

HẢI PHÒNG - 2016

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Nguyễn Thị Thu Trang

Mã SV: 1513401040

Lớp: QTL902K

Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty
Cổ phần xây dựng FCT Việt Nam

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

.....

.....

.....

.....

.....

2. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

.....

.....

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên:

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngàythángnăm 2016

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày tháng năm 2016

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Người hướng dẫn

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2016

Hiệu trưởng

GS.TS.NSUT Trần Hữu Nghị

PHÂN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

.....
.....
.....
.....
.....

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

.....
.....
.....

Hải Phòng, ngày tháng năm 2016

Cán bộ hướng dẫn

(Ký và ghi rõ họ tên)

LỜI NÓI ĐẦU

Nền kinh tế nước ta là nền kinh tế nhiều thành phần chịu sự tác động của các quy luật kinh tế: quy luật cạnh tranh, quy luật giá bán, quy luật giá trị.... Để tồn tại và phát triển trên thị trường cạnh tranh gay gắt như vậy thì doanh nghiệp phải làm sao để có thể sử dụng hiệu quả mà vẫn đảm bảo được chất lượng tạo chỗ đứng trên thị trường. Để đạt được yêu cầu đó thì doanh nghiệp phải làm tốt công tác kế toán tại doanh nghiệp nói chung và công tác hạch toán vốn bằng tiền nói riêng.

Sự thành công của một doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường luôn có sự đóng góp rất lớn của công tác hạch toán kế toán. Tổ chức được một hệ thống thông tin kế toán khoa học và hiệu quả là một trong những nhân tố quan trọng.

Trong doanh nghiệp luôn nắm giữ có một loại tài sản đặc biệt đó là vốn bằng tiền. Nó là một bộ phận thuộc tài sản lưu động của doanh nghiệp tham gia trực tiếp vào quá trình sản xuất kinh doanh, là một yếu tố quan trọng trong việc tạo ra lợi nhuận, đảm bảo cho quá trình tái sản xuất mở rộng của doanh nghiệp. Mọi hoạt động trao đổi đều thông qua trung gian là tiền. Vì vậy, yêu cầu đặt ra cho các doanh nghiệp là phải tăng cường công tác quản lý sử dụng vốn bằng tiền sao cho hợp lý, tạo được hiệu quả là cao nhất. Tổ chức hạch toán vốn bằng tiền có hiệu quả sẽ giúp doanh nghiệp chủ động trong thu, chi, tăng khả năng quay vòng vốn trong quá trình kinh doanh. Đứng trước cơ hội kinh doanh, sự cạnh tranh trên thị trường việc hạch toán vốn bằng tiền có hiệu quả sẽ đáp ứng được nhu cầu thanh toán thường xuyên, giúp nhà quản lý nắm bắt được những thông tin cần thiết qua đó biết được hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp mình và đưa ra được những quyết định đầu tư đúng đắn.

Hiện nay khi nền kinh tế nước ta đã có sự phát triển vượt bậc, nền kinh tế thị trường cùng với sự năng động của nó đã khiến các doanh nghiệp phải đối diện với nhiều thách thức hơn trong việc tìm kiếm, phát triển và mở rộng thị trường. Cùng với đó là việc quản lý và sử dụng vốn bằng tiền trở nên phức tạp, có ảnh hưởng lớn đến hoạt động của doanh nghiệp. Do đó việc tổ chức công tác kế toán nói chung và kế toán vốn bằng tiền nói riêng mang một ý nghĩa quan trọng.

Xuất phát từ những nhận thức trên, trong thời gian thực tập của Công ty Cổ phần Xây dựng FCT Việt Nam, em đã đi sâu tìm hiểu công tác kế toán Vốn bằng tiền và chọn đề tài cho khóa luận tốt nghiệp của mình là: “Hoàn thành công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty Cổ phần Xây dựng FCT Việt Nam”.

Ngoài phần mở đầu và kết luận đề tài gồm 3 chương:

Chương 1: Lý luận chung về tổ chức công tác kế toán vốn bằng tiền trong các doanh nghiệp.

Chương 2: Thực trạng tổ chức kế toán vốn bằng tiền tại Công ty Cổ phần Xây dựng FCT Việt Nam.

Chương 3: Một số biện pháp nhằm góp phần hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty Cổ phần Xây dựng FCT Việt Nam.

Trong thời gian thực hiện khóa luận, được sự hướng dẫn, chỉ dạy của cô giáo Th.S Văn Hồng Ngọc và của các anh chị trong phòng kế toán - tài chính cũng như các phòng ban khác trong công ty đã tạo điều kiện giúp đỡ em tìm hiểu, nghiên cứu và hoàn thiện bản báo cáo này. Mặc dù đã có nhiều cố gắng nhưng với khả năng có hạn, thời gian tiếp xúc với thực tế chưa nhiều nên chắc chắn báo cáo không tránh khỏi những thiếu sót. Vì vậy em xin tiếp thu và chân thành cảm ơn những ý kiến góp ý chỉ bảo thầy cô giáo trong bộ môn kế toán cũng như của cán bộ phòng kế toán Công ty Cổ phần Xây dựng FCT Việt Nam để em có điều kiện bổ sung nâng cao kiến thức của bản thân, hoàn thành tốt khóa luận và phục vụ tốt cho công tác thực tế sau này.

Em xin chân thành cảm ơn !

Hải Phòng, ngày 29 tháng 12 năm 2016

Sinh viên:

Nguyễn Thị Thu Trang

CHƯƠNG 1

LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TRONG DOANH NGHIỆP

1.1 Tổng quan về vốn bằng tiền

1.1.1 Khái niệm, đặc điểm và phân loại vốn bằng tiền.

a, Khái niệm

Vốn bằng tiền là một bộ phận của tài sản lưu động trong doanh nghiệp, tồn tại trực tiếp dưới hình thức tiền tệ, có tính thanh khoản cao nhất, bao gồm tiền mặt tại quỹ doanh nghiệp, tiền gửi tại ngân hàng, và các khoản tiền đang chuyển. Do đó, kế toán vốn bằng tiền là mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến các tài khoản sau:

- Tiền mặt (TK111),
- Tiền gửi ngân hàng (TK112),
- Tiền đang chuyển (TK113),

Khi đó kế toán sẽ có nhiệm vụ lập chứng từ phát sinh của nghiệp vụ này (gồm phiếu thu, phiếu chi, viết séc, lập uỷ nhiệm chi), từ những chứng từ này, kế toán tiến hành ghi sổ và theo dõi những biến động trên tài khoản này.

b, Đặc điểm

Trong quá trình sản xuất kinh doanh, vốn bằng tiền được sử dụng để đáp ứng nhu cầu về thanh toán các khoản nợ của doanh nghiệp hoặc mua sắm vật tư, hàng hóa sản xuất kinh doanh, vừa là kết quả của việc mua bán hoặc thu hồi các khoản nợ. Chính vì vậy, quy mô vốn bằng tiền là loại đòi hỏi doanh nghiệp phải quản lý hết sức chặt chẽ vì vốn bằng tiền có tính luân chuyển cao nên nó là đối tượng của sự gian lận. Do đó, trong quá trình hạch toán vốn bằng tiền, các thủ tục nhằm bảo vệ vốn bằng tiền khỏi sự thất thoát hoặc lạm dụng là rất quan trọng, đòi hỏi việc sử dụng vốn bằng tiền phải tuân thủ các nguyên tắc, chế độ quản lý tiền tệ thống nhất của Nhà nước.

c, Phân loại

- Theo hình thức tồn tại, vốn bằng tiền tại doanh nghiệp được chia thành:
 - **Tiền Việt Nam:** là các loại giấy bạc do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phát hành và được phép sử dụng làm phương tiện giao dịch chính thức đối với toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.
 - **Ngoại tệ:** Đây là các loại giấy bạc không phải do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phát hành nhưng được phép lưu hành chính thức trên thị trường Việt Nam như các đồng: Đôla Mỹ (USD), Bảng Anh (GBP), Phrăng Pháp (FFr), Yên Nhật (JPY), Đôla Hồng Kông (HKD), Mác Đức (DM),...
 - **Vàng bạc, kim khí quý, đá quý:** là tiền thực chất, tuy nhiên được lưu trữ chủ yếu là vì mục tiêu an toàn hoặc một mục đích bất thường khác chứ không phải vì mục đích thanh toán trong kinh doanh.
- Theo trạng thái tồn tại, vốn bằng tiền của doanh nghiệp gồm:
 - **Tiền tại quỹ:** gồm giấy bạc Việt Nam, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý, ngân phiếu hiện đang được giữ tại kết của doanh nghiệp để phục vụ nhu cầu chi tiêu trực tiếp hàng ngày trong sản xuất kinh doanh.
 - **Tiền gửi Ngân hàng:** là tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý mà doanh nghiệp đang gửi tại tài khoản của doanh nghiệp tại Ngân hàng.
 - **Tiền đang chuyển:** bao gồm tiền Việt Nam và ngoại tệ trong các trường hợp sau:
 - ✓ Gửi tiền vào Ngân hàng nhưng chưa nhận được giấy báo của Ngân hàng.
 - ✓ Làm thủ tục chuyển tiền từ Ngân hàng qua buro điện để trả nợ nhưng chưa nhận được giấy báo.
 - ✓ Thu tiền bán hàng nộp thuế ngay nhưng chưa nhận được giấy báo.

1.1.2 Nguyên tắc hạch toán vốn bằng tiền:

❖ Đối với đồng Việt Nam.

- Sử dụng đơn vị tiền tệ thống nhất là đồng Việt Nam (VNĐ).
- Kế toán phải phản ánh kịp thời, chính xác số tiền hiện có và tình hình thu, chi toàn bộ các loại tiền, mở sổ chi tiết theo dõi cho từng loại ngoại tệ (theo nguyên tệ và theo đồng Việt Nam quy đổi), từng loại vàng bạc, đá quý (theo số lượng, trọng lượng, quy cách, độ tuổi, kích thước, giá trị...).

❖ Đối với Ngoại tệ.

- Ở những doanh nghiệp có ngoại tệ nhập quỹ tiền mặt hoặc gửi vào ngân hàng phải quy đổi ngoại tệ ra đồng Việt Nam theo tỷ giá hối đoái ngày giao dịch (Tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế, hoặc tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh) để ghi sổ kế toán. Với những ngoại tệ mà Ngân hàng không công bố tỷ giá quy đổi ra VNĐ thống nhất quy đổi thông qua USD.

❖ Đối với Vàng bạc, kim khí quý, đá quý.

- Với vàng bạc, kim khí quý, đá quý thì giá nhập vào trong kì được tính theo giá trị thực tế, còn giá xuất trong kì được tính theo một trong các phương pháp sau:
 - + Phương pháp giá thực tế nhập trước – xuất trước.
 - + Phương pháp giá thực tế nhập sau – xuất trước.
 - + Phương pháp giá thực tế đích danh.
 - + Phương pháp giá bình quân sau mỗi lần nhập.

Tuy nhiên, do vàng bạc, kim khí quý, đá quý là loại tài sản có giá trị lớn và mang tính tách biệt nên phương pháp thực tế đích danh thường được sử dụng. Nếu có chênh lệch giữa giá xuất bán và giá thanh toán ở thời điểm phát sinh nghiệp vụ thì được phản ánh vào TK 515 hoặc TK 635.

Khi tiến hành nhập, xuất quỹ tiền mặt phải có phiếu thu, phiếu chi và có đủ chữ ký của người nhận, người giao, người cho phép nhập, xuất quỹ theo quy định của chế độ chứng từ kế toán.

Thủ quỹ chịu trách nhiệm quản lý và nhập, xuất quỹ tiền mặt. Hàng ngày thủ quỹ phải kiểm kê số tồn quỹ tiền mặt thực tế, đối chiếu số liệu sổ quỹ tiền mặt và sổ kế toán tiền mặt. Nếu có chênh lệch, kế toán và thủ quỹ phải kiểm tra lại để xác định nguyên nhân và kiến nghị biện pháp xử lý chênh lệch.

1.1.3 Nhiệm vụ của kế toán vốn bằng tiền:

- Phải theo dõi dòng tiền thu vào và dòng tiền chi ra của tiền mặt (TK 111) và tiền gửi ngân hàng (TK 112). Khi có chênh lệch giữa sổ kế toán tiền mặt và tiền gửi ngân hàng với sổ của thủ quỹ và sổ phụ ngân hàng, thì kế toán phải tìm hiểu nguyên nhân và điều chỉnh kịp thời.
- Kiểm soát chứng từ đầu vào sao cho (hợp lệ, hợp pháp, hợp lý), để được tính chi phí hợp lý.
- Hướng dẫn cho các phòng ban về quy định hoá đơn, chứng từ, cũng như cách lập các biểu mẫu.
- Lập báo cáo thu chi hàng ngày, báo cáo tiền gửi ngân hàng hằng ngày để gửi theo yêu cầu của Ban Giám Đốc
- Liên hệ với ngân hàng để làm việc (về rút tiền, trả tiền, lấy sổ phụ ngân hàng và các chứng từ liên quan đến ngân hàng)
- Thực hiện đúng theo nguyên tắc bất kiêm nhiệm, kế toán vốn bằng tiền không nên kiêm thủ quỹ.
- Phải tổ chức theo dõi tiền gửi ngân hàng tại từng ngân hàng theo VND và theo ngoại tệ.

1.1.4 Vai trò của công tác kế toán vốn bằng tiền

Công tác tổ chức kế toán Vốn bằng tiền là một bộ phận quan trọng của công tác kế toán trong doanh nghiệp, nó sẽ cung cấp thông tin một cách kịp thời chính xác và kiểm tra các hoạt động kinh tế tài chính của doanh nghiệp. Trên cơ sở đó giúp cho doanh nghiệp đưa ra các quyết định chính xác, phù hợp nhằm tiết kiệm chi phí, tăng lợi nhuận.

Song song với việc tổ chức kế toán Vốn bằng tiền, chúng ta cũng cần chú trọng đến việc quản lý Vốn bằng tiền một cách chặt chẽ, thường xuyên kiểm soát các khoản thu chi bằng tiền vì đây là khâu quan trọng có tính quyết định tới mức tăng trưởng hay

suy thoái của doanh nghiệp, Vốn bằng tiền là đối tượng có khả năng phát sinh rủi ro hơn các loại tài sản khác.

Việc quản lý Vốn bằng tiền được sử dụng nhiều công cụ quản lý khác nhau như: Thống kê, phân tích hoạt động kinh tế ... Trong đó công tác kế toán là công cụ quản lý quan trọng nhất. Với chức năng ghi chép, tính toán, phản ánh, giám sát thường xuyên liên tục sự thay đổi vật tư, tiền vốn bằng các thước đo giá trị và hiện vật. Kế toán cung cấp những tài liệu cần thiết về thu chi Vốn bằng tiền đáp ứng yêu cầu quản lý trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh.

1.2 Tổ chức kế toán tiền mặt tại quỹ trong doanh nghiệp

1.2.1 Khái niệm và đặc điểm của tiền mặt tại quỹ

* *Khái niệm:* Tiền tại quỹ của doanh nghiệp bao gồm tiền Việt Nam, ngoại tệ, kim khí quý, đá quý. Mọi nghiệp vụ thu, chi bằng tiền mặt và việc bảo quản tiền mặt tại quỹ do thủ quỹ của doanh nghiệp thực hiện.

* *Đặc điểm:*

- Công ty luôn giữ một lượng tiền nhất định để phục vụ cho việc chi tiêu hàng ngày và đảm bảo cho hoạt động của công ty không bị gián đoạn. Tại công ty, chỉ có những nghiệp vụ phát sinh không lớn mới thanh toán bằng tiền mặt.

- Hạch toán vốn bằng tiền do thủ quỹ thực hiện và được theo dõi từng ngày. Tiền mặt của công ty tồn tại chủ yếu dưới dạng đồng nội tệ và rất ít dưới dạng đồng ngoại tệ.

1.2.2 Nguyên tắc hạch toán tiền mặt tại quỹ

1. Chỉ phản ánh vào TK 111 “Tiền mặt” số tiền mặt, ngoại tệ thực tế nhập, xuất quỹ tiền mặt. Đối với khoản tiền thu được (chuyển nộp ngay vào Ngân hàng (không qua quỹ tiền mặt của đơn vị) thì không ghi vào bên Nợ Tài khoản 111 “Tiền mặt” mà ghi vào bên Nợ Tài khoản 113 “Tiền đang chuyển”.

2. Các khoản tiền mặt do doanh nghiệp khác và cá nhân ký cược, ký quỹ tại doanh nghiệp được quản lý và hạch toán như các loại tài sản bằng tiền của đơn vị.

3. Khi tiến hành nhập, xuất quỹ tiền mặt phải có phiếu thu, phiếu chi và có đủ chữ ký của người nhận, người giao, người cho phép nhập, xuất quỹ theo qui

định của chế độ chứng từ kế toán. Một số trường hợp đặc biệt phải có lệnh nhập quỹ, xuất quỹ đính kèm.

4. Kế toán quỹ tiền mặt phải có trách nhiệm mở sổ kế toán quỹ tiền mặt, ghi chép hàng ngày liên tục theo trình tự phát sinh các khoản thu, chi, xuất, nhập quỹ tiền mặt, ngoại tệ và tính ra số tồn quỹ tại mọi thời điểm.

5. Thủ quỹ chịu trách nhiệm quản lý và nhập, xuất quỹ tiền mặt. Hàng ngày thủ quỹ phải kiểm kê số tồn quỹ tiền mặt thực tế, đối chiếu với số liệu sổ quỹ tiền mặt và sổ kế toán tiền mặt. Nếu có chênh lệch, kế toán và thủ quỹ phải kiểm tra lại để xác định nguyên nhân và kiến nghị biện pháp xử lý chênh lệch.

6. Ở những doanh nghiệp có ngoại tệ nhập quỹ tiền mặt phải quy đổi ngoại tệ ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của nghiệp vụ kinh tế phát sinh, hoặc tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế để ghi sổ kế toán. Trường hợp mua ngoại tệ về nhập quỹ tiền mặt ngoại tệ bằng Đồng Việt Nam thì được quy đổi ngoại tệ ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá mua hoặc tỷ giá thanh toán. Bên Có TK 1112 được quy đổi ngoại tệ ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá trên sổ kế toán TK 1112 theo một trong các phương pháp: Bình quân gia quyền; Nhập trước, xuất trước; Nhập sau, xuất trước; Giá thực tế đích danh (như một loại hàng hoá đặc biệt). Tiền mặt bằng ngoại tệ được hạch toán chi tiết theo từng loại nguyên tệ trên Tài khoản 007 “Ngoại tệ các loại” (TK ngoài Bảng Cân đối kế toán).

7. Đối với vàng, bạc, kim khí quý, đá quý phản ánh ở tài khoản tiền mặt chỉ áp dụng cho các doanh nghiệp không đăng ký kinh doanh vàng, bạc, kim khí quý, đá quý nhập quỹ tiền mặt thì việc nhập, xuất được hạch toán như các loại hàng tồn kho, khi sử dụng để thanh toán chi trả được hạch toán như ngoại tệ.

1.2.3 Chứng từ kế toán sử dụng

Các chứng từ được sử dụng trong công tác hạch toán tiền mặt tại quỹ bao gồm:

- Phiếu thu (Mẫu số 01-TT): Được sử dụng làm căn cứ để hạch toán số tiền mặt Việt Nam, ngoại tệ đã thu trong kỳ theo từng nguồn thu.

- Phiếu chi (Mẫu số 02-TT): Được sử dụng làm căn cứ để hạch toán số tiền đã chi của đơn vị trong kỳ, là căn cứ để xác định trách nhiệm vật chất của người nhận tiền.
- Giấy đề nghị tạm ứng: Là căn cứ để xét duyệt tạm ứng làm thủ tục lập phiếu chi xuất cho tạm ứng.
- Giấy thanh toán tiền tạm ứng (Mẫu số 05 – TT): Là chứng từ liệt kê các khoản tiền đã nhận tạm ứng, làm căn cứ thanh toán số tiền tạm ứng và ghi sổ kế toán.
- Giấy đề nghị thanh toán: Dùng trong trường hợp đã chi nhưng chưa được thanh toán hoặc chưa nhận thanh toán hoặc chưa nhận tạm ứng để tổng hợp các khoản đã chi kèm theo chứng từ (nếu có) làm thủ tục thanh toán.
- Biên lai thu tiền: Là giấy biên nhận của đơn vị hoặc cá nhân đã thu tiền hoặc thu Séc của người nộp tiền làm căn cứ để lập phiếu thu, nộp tiền vào quỹ, đồng thời để người nộp tiền thanh toán với đơn vị nộp tiền hoặc lưu quỹ.
- Bảng kê vàng bạc, kim khí quý, đá quý
- Bảng kiểm kê quỹ (dùng cho VNĐ): Là bằng chứng xác nhận số tiền mặt Việt Nam tồn quỹ thực tế và số chênh lệch thừa, thiếu so với sổ quỹ, làm cơ sở xác định trách nhiệm vật chất và bồi thường cũng như là căn cứ để điều chỉnh số tiền tồn quỹ trên sổ sách kế toán và số tiền tồn quỹ thực tế.
- Bảng kiểm kê quỹ (dùng cho ngoại tệ, bạc, kim khí, đá quý)

1.2.4 Quy trình lập và luân chuyển phiếu thu, chi

a, Quy trình lập

Chứng từ gốc → Lập phiếu thu, chi → Kế toán trưởng duyệt → Giám đốc duyệt.

b, Trình tự luân chuyển

Lập chứng từ → Kiểm tra chứng từ → Sử dụng chứng từ → Bảo quản và sử dụng lại chứng từ → Lưu trữ hoặc hủy chứng từ

+ Lập chứng từ theo các yếu tố của chứng từ, tùy theo nội dung nghiệp vụ kinh tế của chứng từ mà sử dụng chứng từ cho thích hợp. Tùy theo yêu cầu quản lý của từng loại tài sản mà chứng từ có thể lập thành một hoặc nhiều bản.

+ Kiểm tra chứng từ: Nghĩa là kiểm tra tính hợp lệ, hợp pháp và hợp lý của chứng từ như: các yếu tố của chứng từ, số liệu, chữ ký của những người có liên quan.

+ Sử dụng chứng từ: Sử dụng chứng từ cho lãnh đạo nghiệp vụ và ghi sổ kế toán. Lúc này, chứng từ dùng để cung cấp thông tin cho lãnh đạo và giúp bộ phận kế toán lập định khoản và phản ánh vào sổ kế toán.

+ Bảo quản và sử dụng lại chứng từ để kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết.

+ Lưu trữ hoặc hủy chứng từ: sau khi ghi sổ và kết thúc kỳ hạch toán chứng từ được chuyển sang lưu trữ. Khi kết thúc thời hạn lưu trữ, chứng từ được đem đi hủy.

1.2.5 Kết cấu và tài khoản sử dụng

Kế toán sử dụng TK 111 - “**Tiền mặt**”: Tài khoản này dùng để phản ánh số hiện có và tình hình thu, chi tiền mặt tại quỹ.

Kết cấu và nội dung phản ánh của TK 111 - “Tiền mặt”

Bên Nợ	TK 111	Bên Có
<p><u>SDDK:</u> Giá trị các khoản tiền mặt, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý tồn quỹ tiền mặt từ cuối kỳ trước.</p>		
<p><u>SPSTK:</u> - Các khoản tiền mặt, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý nhập quỹ - Số tiền mặt, ngoại tệ vàng bạc, kim khí quý, đá quý thừa ở quỹ phát hiện khi kiểm kê. - Chênh lệch tăng tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ (đối với tiền mặt ngoại tệ)</p>	<p><u>SPSTK:</u> - Các khoản tiền mặt, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý xuất quỹ; - Số tiền mặt, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý thiếu hụt ở quỹ phát hiện khi kiểm kê; - Chênh lệch giảm tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ (đối với tiền mặt ngoại tệ)</p>	
<p><u>SDCK:</u> Các khoản tiền mặt, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý còn tồn quỹ tiền mặt cuối kỳ này.</p>		

TK 111 – “Tiền mặt” có 03 tài khoản cấp 2:

- TK 1111 - Tiền Việt Nam: Phản ánh tình hình thu, chi, tồn quỹ tiền Việt Nam tại quỹ tiền mặt.

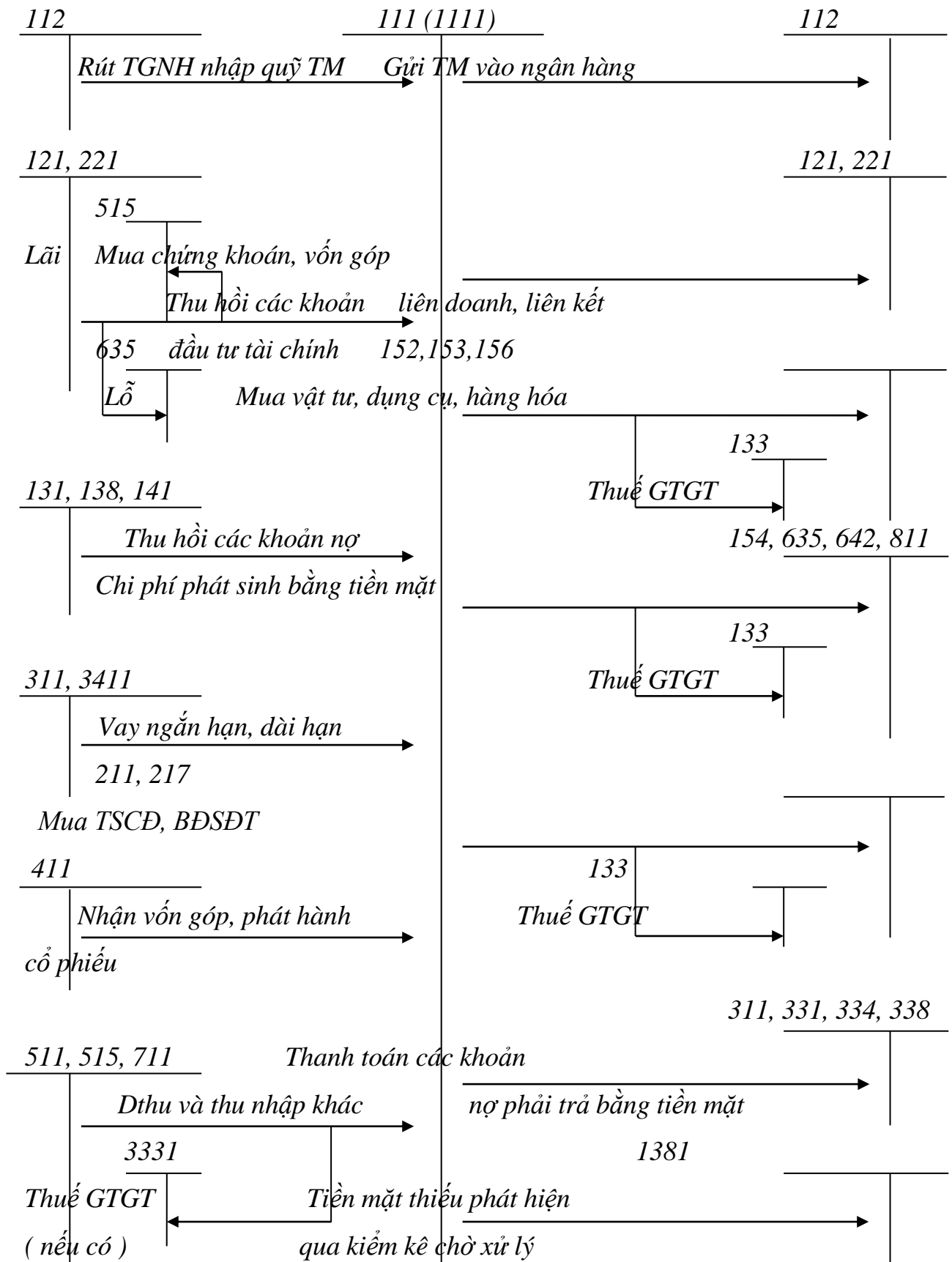
- TK 1112 - Ngoại tệ: Phản ánh tình hình thu, chi, tăng, giảm tỷ giá và tồn quỹ ngoại tệ tại quỹ tiền mặt theo giá trị quy đổi ra đồng Việt Nam.

- TK 1113 - Vàng bạc, kim khí quý, đá quý: Phản ánh giá trị vàng bạc, kim khí quý, đá quý nhập xuất tồn quỹ.

1.2.6 Phương pháp hạch toán kế toán một số hoạt động kinh tế chủ yếu:

1.2.6.1 Kế toán tình hình biến động tiền mặt Việt Nam

Sơ đồ 1.1: Sơ đồ hạch toán tiền mặt tại quỹ



1.2.6.2 *Kế toán tình hình biến động ngoại tệ tại quỹ*

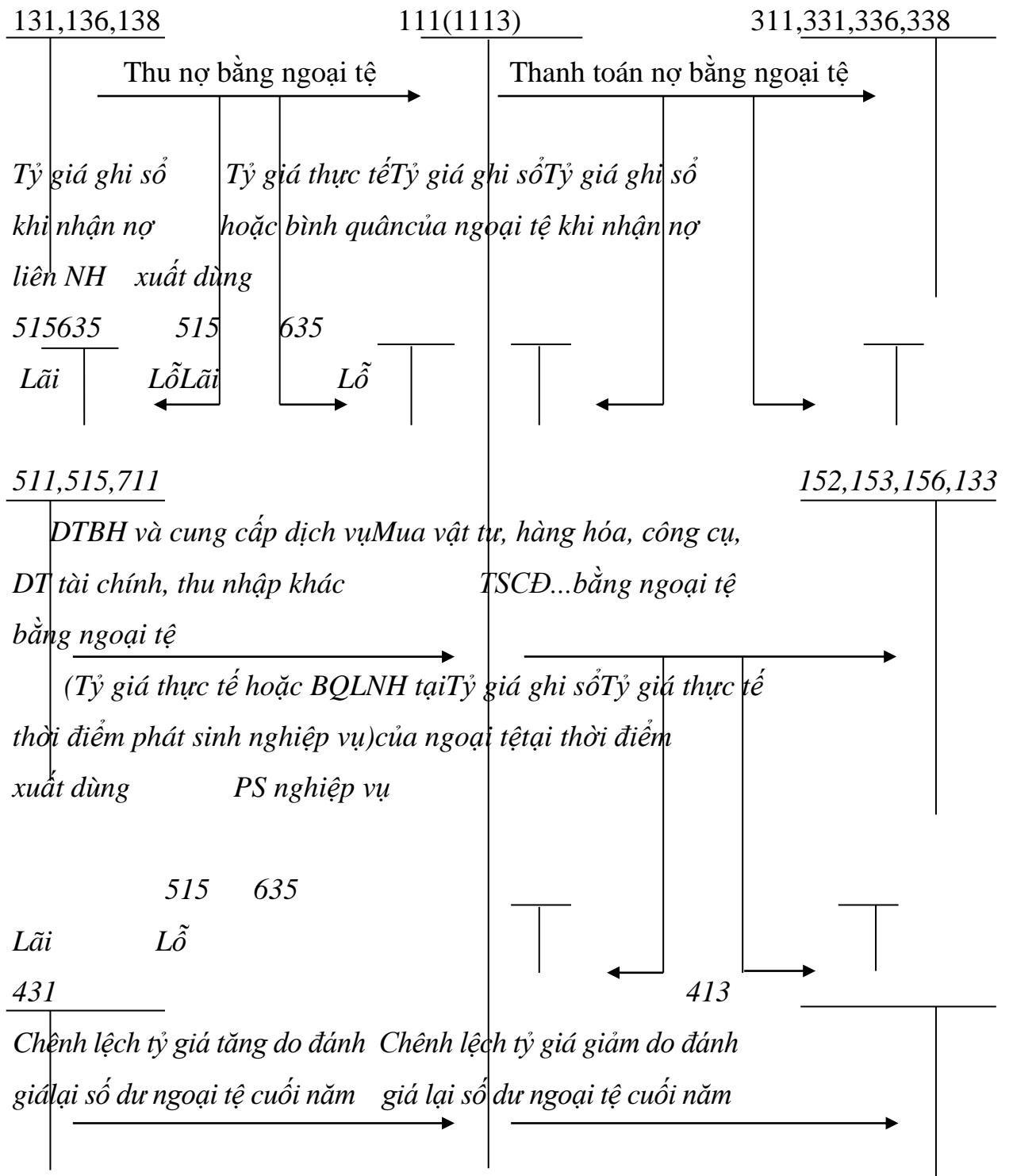
Đối với ngoại tệ, ngoài quy đổi ra đồng Việt Nam, kế toán còn phải theo dõi trên tài khoản 007 – “Ngoại tệ các loại”. Việc quy đổi ra đồng Việt Nam phải tuân thủ quy định sau:

- Đối với tài khoản thuộc loại chi phí, thu nhập, vật tư, hàng hóa, tài sản cố định... dù doanh nghiệp có hay không sử dụng tỷ giá hạch toán. Khi có các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ, đều phải ghi sổ bằng đồng Việt Nam theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế.

- Các doanh nghiệp có ít nghiệp vụ bằng ngoại tệ thì các tài khoản tiền, các khoản thu, phải trả được ghi bằng đồng Việt Nam theo tỷ giá mua vào của ngân hàng Việt Nam công bố tại thời điểm nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản chênh lệch tỷ giá (nếu có) của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được hạch toán vào tài khoản 413 “Chênh lệch tỷ giá”.

- Các doanh nghiệp có nhiều nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ có thể sử dụng tỷ giá hạch toán để ghi sổ các tài khoản tiền, phải thu, phải trả. Số chênh lệch giữa tỷ giá hạch toán và tỷ giá mua của ngân hàng tại thời điểm nghiệp vụ kinh tế phát sinh được hạch toán vào tài khoản 413 “Chênh lệch tỷ giá”.

Sơ đồ 1.2: Sơ đồ kế toán tiền mặt ngoại tệ



Tất cả các nghiệp vụ trên đều phải đồng thời ghi đơn TK 007- Ngoại tệ các loại 007

<i>Thu nợ bằng ngoại tệ</i>	<i>Thanh toán nợ bằng ngoại tệ</i>
<i>Doanh thu, TN tài chính, TN khác</i>	<i>Mua vật tư, hàng hóa, công cụ, TSCĐ</i>
<i>bằng ngoại tệ</i>	<i>bằng ngoại tệ</i>

1.2.6.3 *Kế toán tình hình biến động vàng, bạc, đá quý tại quỹ*

Đối với vàng, bạc, kim khí quý, đá quý phản ánh ở tài khoản tiền mặt chỉ áp dụng cho các doanh nghiệp không đăng ký kinh doanh vàng, bạc, kim khí quý, đá quý nhập quỹ tiền mặt thì việc nhập, xuất được hạch toán như ngoại tệ.

- Các nghiệp vụ tăng vàng, bạc, kim khí quý, đá quý ghi:

Nợ TK 1113: Giá thực tế tăng

Có TK 1111, 1121: Số tiền chi mua thực tế

Có TK 511: Doanh thu bán hàng (Thu bằng vàng, bạc...)

Có TK 138,144: Thu hồi các khoản cho vay, các khoản thế chấp, ký cược, ký quỹ.

Có TK 411: Nhận góp vốn, cấp phát bằng vàng, bạc...

- Các nghiệp vụ giảm vàng, bạc, kim khí quý, đá quý ghi theo bút toán ngược lại.

1.3 **Kế toán tiền gửi ngân hàng**

Trong quá trình sản xuất kinh doanh, các khoản thanh toán giữa các doanh nghiệp với các cơ quan, tổ chức kinh tế khác được thực hiện chủ yếu qua ngân hàng, đảm bảo cho việc thanh toán vừa an toàn, vừa chấp hành nghiêm chỉnh luật thanh toán.

Theo chế độ quản lý tiền mặt và chế độ thanh toán không dùng tiền mặt, toàn bộ số tiền của doanh nghiệp trừ số tiền được giữ lại tại quỹ tiền mặt (theo thỏa thuận của doanh nghiệp với ngân hàng) đều phải gửi vào tài khoản của Ngân hàng. Các khoản tiền của doanh nghiệp tại ngân hàng bao gồm: tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý trên các tài khoản gửi chính. Tiền gửi chuyên dùng cho các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt như: tiền lưu ký, séc bảo chi, séc định mức,

séc chuyên tiền, thư tín dụng. Để chấp hành tốt kỷ luật thanh toán đòi hỏi doanh nghiệp phải theo dõi chặt chẽ tình hình biến động và số dư của từng loại tiền gửi.

1.3.1 Quy định về kế toán tiền gửi ngân hàng

- Khi phát sinh các chứng từ tài khoản tiền gửi ngân hàng, các doanh nghiệp chỉ được phép phát hành trong phạm vi số tiền gửi của mình. Nếu phát sinh quá số dư là doanh nghiệp vi phạm kỷ luật thanh toán và phải chịu phạt theo chế độ quy định. Chính vì vậy, kế toán trưởng phải thường xuyên phản ánh được số dư tài khoản phát hành các chứng từ thanh toán.

- Căn cứ để hạch toán trên Tài khoản 112 “Tiền gửi Ngân hàng” là các giấy báo Có, báo Nợ hoặc bản sao kê của Ngân hàng kèm theo các chứng từ gốc (Ủy nhiệm chi, ủy nhiệm thu, séc chuyên khoản, séc bảo chi, . . .).

- Khi nhận được chứng từ của Ngân hàng gửi đến, kế toán phải kiểm tra, đối chiếu với chứng từ gốc kèm theo. Nếu có sự chênh lệch giữa số liệu trên sổ kế toán của đơn vị, số liệu ở chứng từ gốc với số liệu trên chứng từ của Ngân hàng thì đơn vị phải thông báo cho Ngân hàng để cùng đối chiếu, xác minh và xử lý kịp thời. Cuối tháng, chưa xác định được nguyên nhân chênh lệch thì kế toán ghi sổ theo số liệu của Ngân hàng trên giấy báo Nợ, báo Có hoặc bản sao kê. Số chênh lệch (nếu có) ghi vào bên Nợ TK 138 “Phải thu khác” (1388) (Nếu số liệu của kế toán lớn hơn số liệu của Ngân hàng) hoặc ghi vào bên Có TK 338 “Phải trả, phải nộp khác” (3388) (Nếu số liệu của kế toán nhỏ hơn số liệu của Ngân hàng). Sang tháng sau, tiếp tục kiểm tra, đối chiếu, xác định nguyên nhân để điều chỉnh số liệu ghi sổ.

- Ở những đơn vị có các tổ chức, bộ phận phụ thuộc không tổ chức kế toán riêng, có thể mở tài khoản chuyên thu, chuyên chi hoặc mở tài khoản thanh toán phù hợp để thuận tiện cho việc giao dịch, thanh toán. Kế toán phải mở sổ chi tiết theo từng loại tiền gửi (Đồng Việt Nam, ngoại tệ các loại).

- Phải tổ chức hạch toán chi tiết số tiền gửi theo từng tài khoản ở Ngân hàng để tiện cho việc kiểm tra, đối chiếu.

- Trường hợp gửi tiền vào Ngân hàng bằng ngoại tệ thì phải được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế hoặc tỷ giá giao dịch bình quân trên

thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh (Gọi tắt là tỷ giá giao dịch BQLNH). Trường hợp mua ngoại tệ gửi vào Ngân hàng thì được phản ánh theo tỷ giá mua thực tế phải trả.

Trường hợp rút tiền gửi Ngân hàng bằng ngoại tệ thì được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá đang phản ánh trên sổ kế toán TK 1122 theo một trong các phương pháp: Bình quân gia quyền; Nhập trước, xuất trước; Nhập sau, xuất trước; Giá thực tế đích danh.

- Trong giai đoạn sản xuất, kinh doanh (Kể cả hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản của doanh nghiệp SXKD vừa có hoạt động đầu tư XD CB) các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến tiền gửi ngoại tệ nếu có phát sinh chênh lệch tỷ giá hối đoái thì các khoản chênh lệch này được hạch toán vào bên Có TK 515 “Doanh thu hoạt động tài chính” (Lãi tỷ giá) hoặc vào bên Nợ TK 635 “Chi phí tài chính” (Lỗ tỷ giá).

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong giai đoạn đầu tư XD CB (giai đoạn trước hoạt động) nếu có phát sinh chênh lệch tỷ giá hối đoái thì các khoản chênh lệch tỷ giá liên quan đến tiền gửi ngoại tệ này được hạch toán vào TK 413 “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” (4132).

1.3.2 Chứng từ sử dụng để hạch toán tiền gửi ngân hàng

- Các giấy báo Có, báo Nợ, bản sao kê ngân hàng
- Các chứng từ khác: Séc chuyển khoản, séc định mức, séc bảo chi, ủy nhiệm chi, ủy nhiệm thu.
- Sổ phụ tài khoản
- Hóa đơn giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ mua vào, bán ra.

1.3.3 Tài khoản sử dụng và kết cấu

1.3.3.1 Tài khoản sử dụng

Kế toán sử dụng TK 112 - “**Tiền gửi ngân hàng**” để phản ánh số hiện có và tình hình biến động tăng, giảm các khoản tiền gửi tại Ngân hàng của doanh nghiệp. TK 112 có 03 tài khoản cấp 2:

- TK 1121 – Tiền Việt Nam: Phản ánh số tiền gửi vào, rút ra và hiện đang gửi tại các ngân hàng bằng Đồng Việt Nam.

- TK 1122 – Ngoại tệ: Phản ánh số tiền gửi vào, rút ra và hiện đang gửi tại các ngân hàng bằng ngoại tệ, các loại đã quy đổi ra Đồng Việt Nam.
- TK 1123 – Vàng bạc, kim khí quý, đá quý: Phản ánh giá trị vàng bạc, kim khí quý, đá quý gửi vào, rút ra và hiện đang gửi tại các ngân hàng.

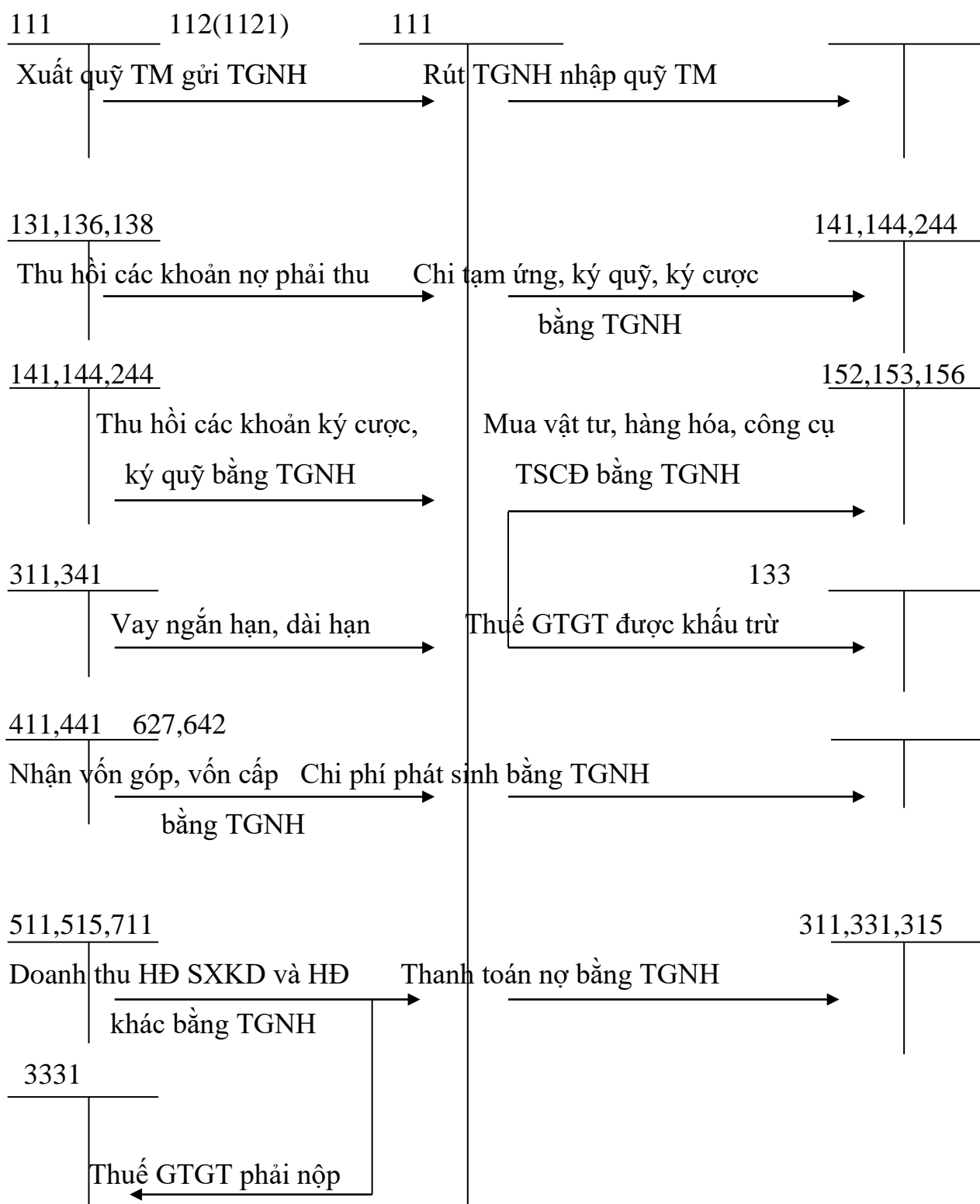
1.3.3.2 Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 112

Bên Nợ	TK 112	Bên Có
<p><u>SDDK:</u> Giá trị các khoản TGNH, ngân phiếu, ngoại tệ còn tồn quỹ tại ngân hàng từ cuối kỳ trước.</p>		
<p><u>SPSTK:</u> - Các khoản tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý gửi vào Ngân hàng. - Chênh lệch tăng tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư tiền gửi ngoại tệ cuối kỳ.</p>	<p><u>SPSTK:</u> - Các khoản tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý rút ra từ Ngân hàng. - Chênh lệch giảm tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư tiền gửi ngoại tệ cuối kỳ.</p>	
<p><u>SDCK:</u> Số tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý hiện còn gửi tại Ngân hàng cuối kỳ này.</p>		

1.3.4 Phương pháp hạch toán một số nghiệp vụ chủ yếu về tiền gửi ngân hàng

1.3.4.1 Kế toán tiền gửi Ngân hàng bằng tiền Việt Nam

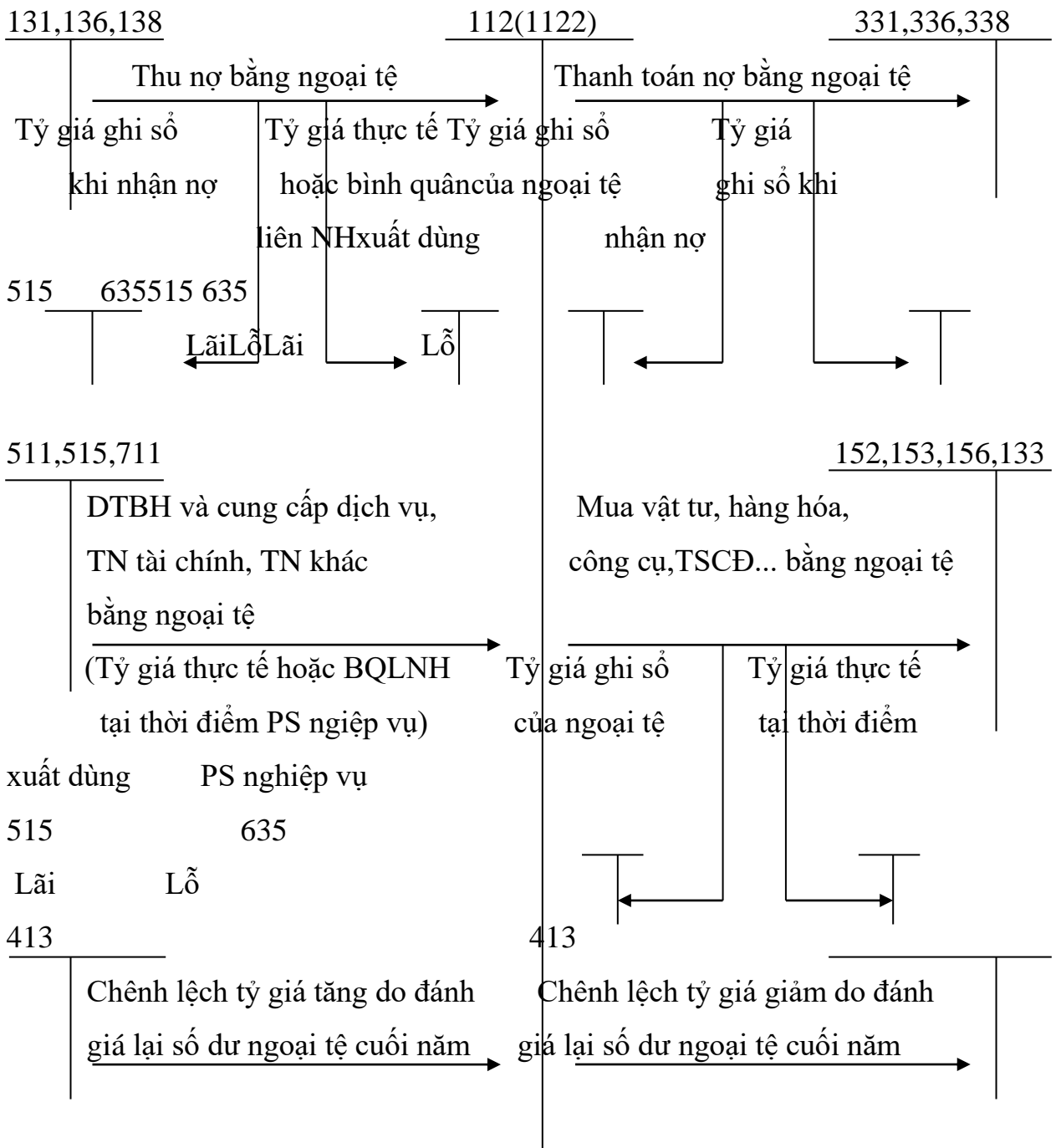
Sơ đồ 1.3: Sơ đồ kế toán tiền gửi VNĐ (TK 1121)



1.3.4.2 Kế toán tiền gửi Ngân hàng bằng ngoại tệ

Việc thực hiện quy đổi từ ngoại tệ Ngân hàng sang đồng Việt Nam được thực hiện tương tự như đồng ngoại tệ tại quỹ tại cơ quan.

Sơ đồ 1.4: Sơ đồ tiền gửi Ngân hàng ngoại tệ (TK1122)



Tất cả các nghiệp vụ đều phải đồng thời ghi đơn TK 007 – Ngoại tệ các loại
007

<i>Thu nợ bằng ngoại tệ</i>	<i>Thanh toán nợ bằng ngoại tệ</i>
<i>Doanh thu, TN tài chính, TN khác bằng ngoại tệ</i>	<i>Mua vật tư, hàng hóa, công cụ, TSCĐ bằng ngoại tệ</i>

1.4 Kế toán tiền đang chuyển

1.4.1 Khái niệm và đặc điểm

Khái niệm: Tiền đang chuyển phản ánh các khoản tiền của doanh nghiệp đã nộp vào Ngân hàng, Kho bạc Nhà nước, đã gửi bưu điện để chuyển cho Ngân hàng nhưng chưa nhận được giấy báo Có, trả cho đơn vị khác hay đã làm thủ tục chuyển tiền từ tài khoản tại Ngân hàng để trả cho đơn vị khác nhưng chưa nhận được giấy báo Nợ hay bản sao kê của Ngân hàng.

Đặc điểm: Tiền đang chuyển gồm tiền ngân hàng Việt Nam và ngoại tệ các loại phát sinh trong trường hợp:

- Thu tiền mặt hoặc séc nộp thẳng cho Ngân hàng.
- Chuyển qua bưu điện để trả cho đơn vị khác.
- Các khoản tiền cấp phát, trích chuyển giữa đơn vị chính với đơn vị phụ thuộc, giữa cấp trên với cấp dưới giao dịch qua Ngân hàng nhưng chưa nhận được giấy báo Nợ hoặc giấy báo Có...

Kế toán theo dõi tiền đang chuyển cần lưu ý:

- Séc bán hàng thu được phải nộp vào Ngân hàng trong phạm vi thời hạn, giá trị của séc.
- Các khoản tiền giao dịch giữa các đơn vị trong nội bộ qua Ngân hàng phải đối chiếu thường xuyên để phát hiện sai lệch kịp thời.
- Tiền đang chuyển có thể cuối tháng mới phản ánh một lần sau khi đã đối chiếu với Ngân hàng.

1.4.2 Chứng từ sử dụng:

- + Giấy nộp tiền
- + Biên lai thu tiền
- + Phiếu chuyển tiền
- + Các chứng từ gốc kèm theo như: Séc các loại, Ủy nhiệm thu, Ủy nhiệm chi..

1.4.3 Tài khoản sử dụng :

Kế toán sử dụng TK 113 - “**Tiền đang chuyển**”, có 02 tài khoản cấp 2:

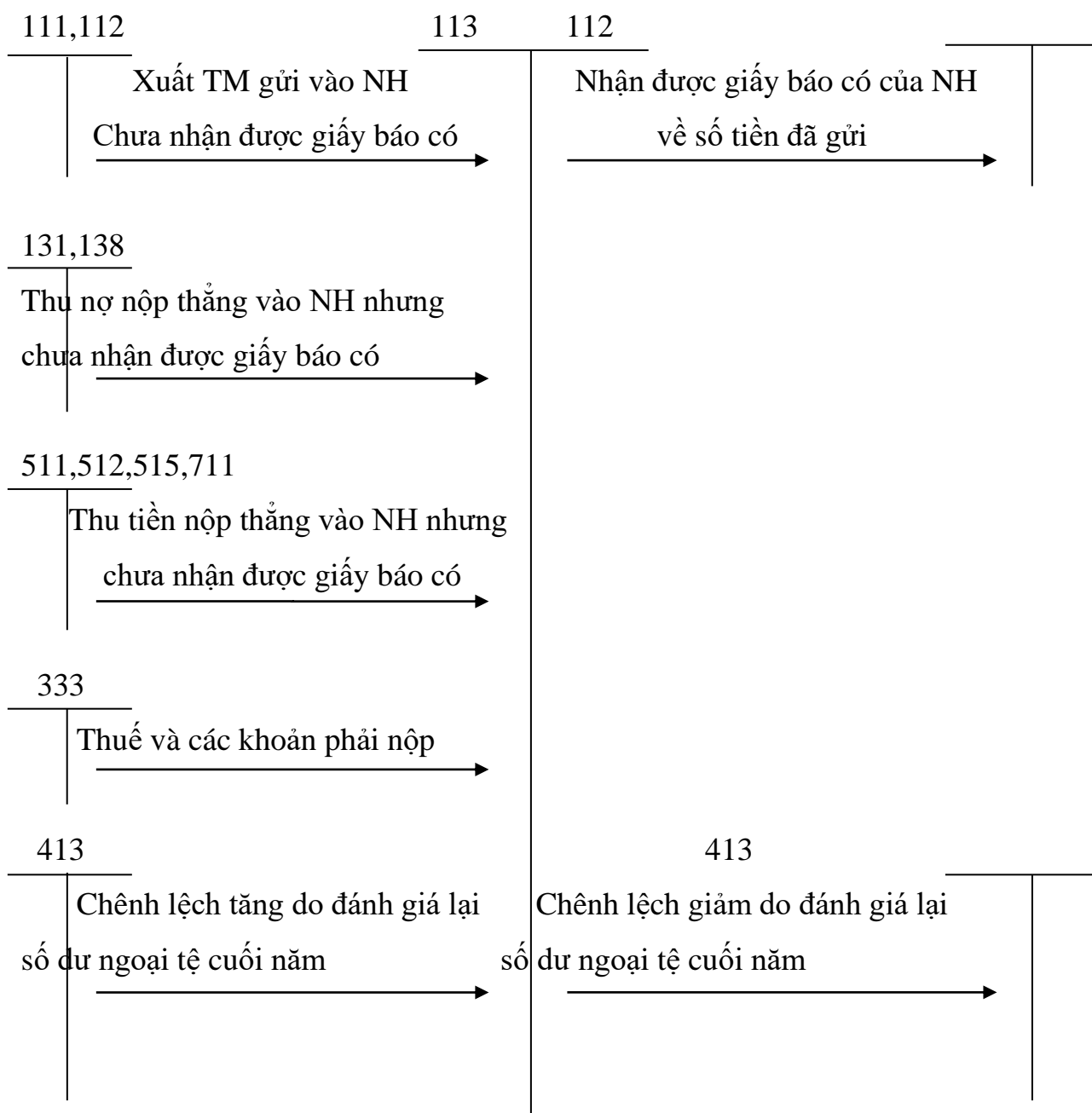
- TK 1131 –“Tiền Việt Nam”: Phản ánh số tiền Việt Nam đang chuyển.
- TK 1132 –“Ngoại tệ”: Phản ánh số ngoại tệ đang chuyển

1.4.4 Kết cấu

Bên Nợ	TK 113	Dư Có
<u>SDDK:</u> Các khoản tiền đang chuyển cuối kỳ trước.		
<u>SPSTK:</u> - Các khoản tiền mặt hoặc Séc bằng tiền Việt Nam, ngoại tệ đã nộp vào Ngân hàng hoặc đã gửi bưu điện để chuyển vào Ngân hàng nhưng chưa nhận được giấy báo Có. - Chênh lệch tăng tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ đang chuyển cuối kỳ.	<u>SPSTK:</u> - Số kết chuyển vào tài khoản 112 – tiền gửi Ngân hàng hoặc tài khoản có liên quan. - Chênh lệch giảm tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ tiền đang chuyển cuối kỳ.	
<u>SDCK:</u> Các khoản tiền còn đang chuyển cuối kỳ		

1.4.5 Phương pháp hạch toán một số nghiệp vụ chủ yếu về tiền đang chuyển

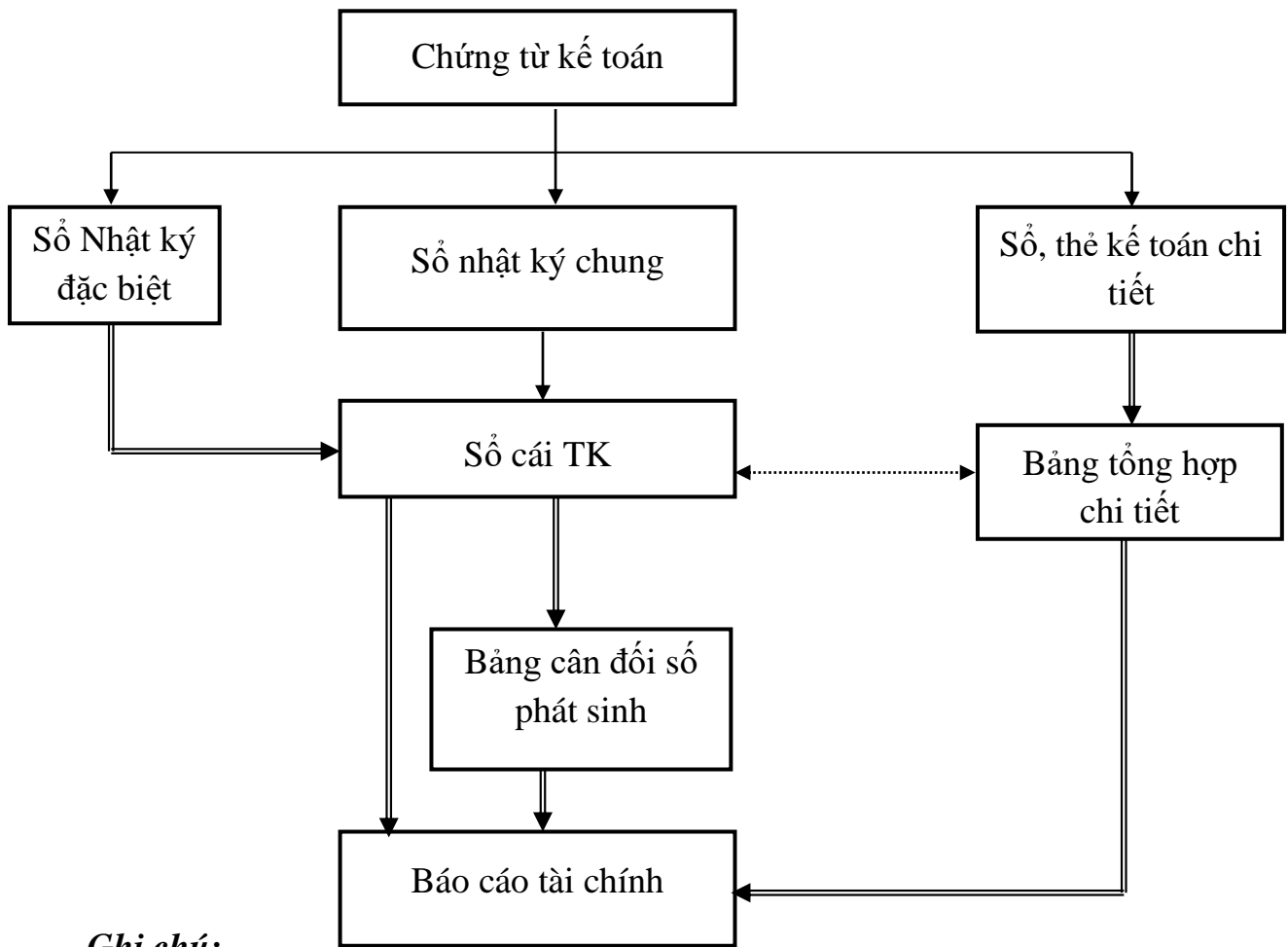
Sơ đồ 1.5: Sơ đồ tổng quát kế toán tiền đang chuyển



1.5 Vận dụng sổ sách trong công tác kế toán vốn bằng tiền tại các doanh nghiệp.

Tùy theo đặc điểm sản xuất kinh doanh và quy mô của doanh nghiệp mà mỗi doanh nghiệp lựa chọn các hình thức ghi sổ khác nhau:

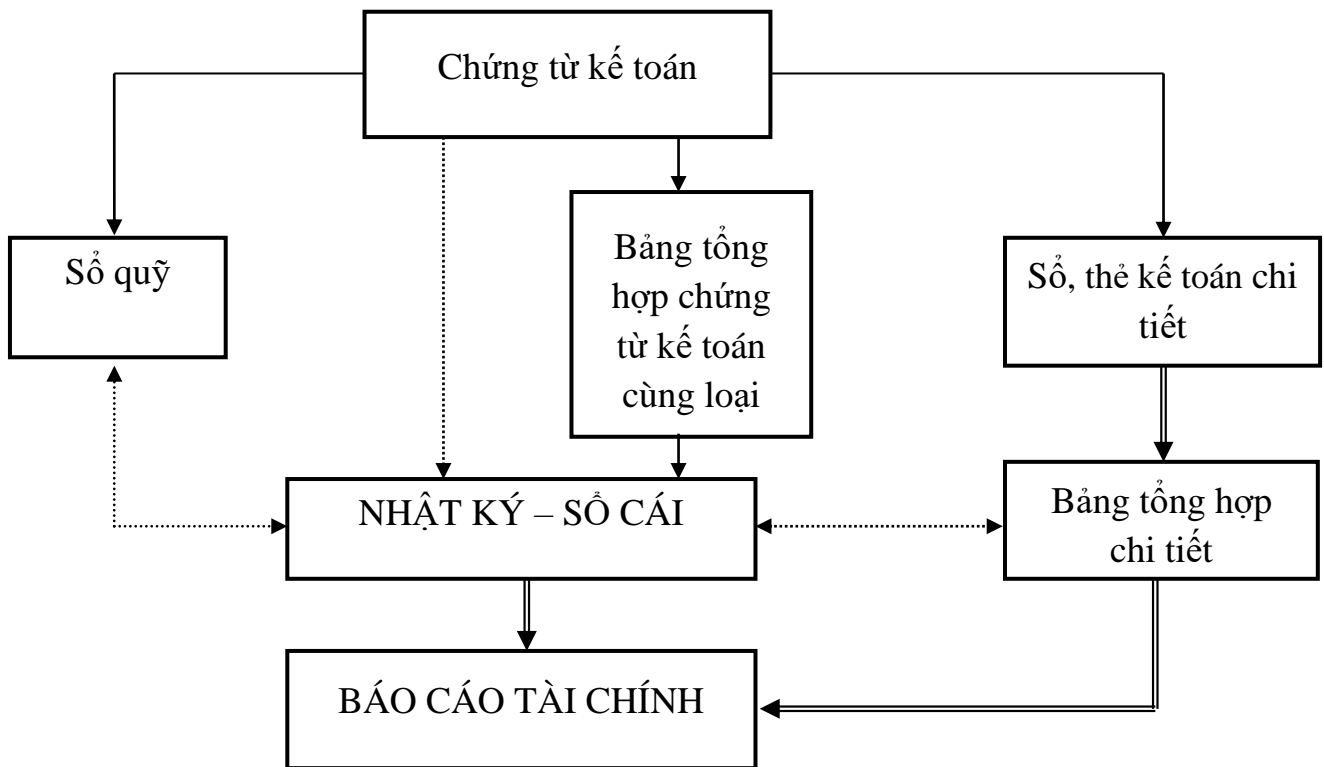
Sơ đồ 1.6: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày →
- Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ ==>
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra <-.->

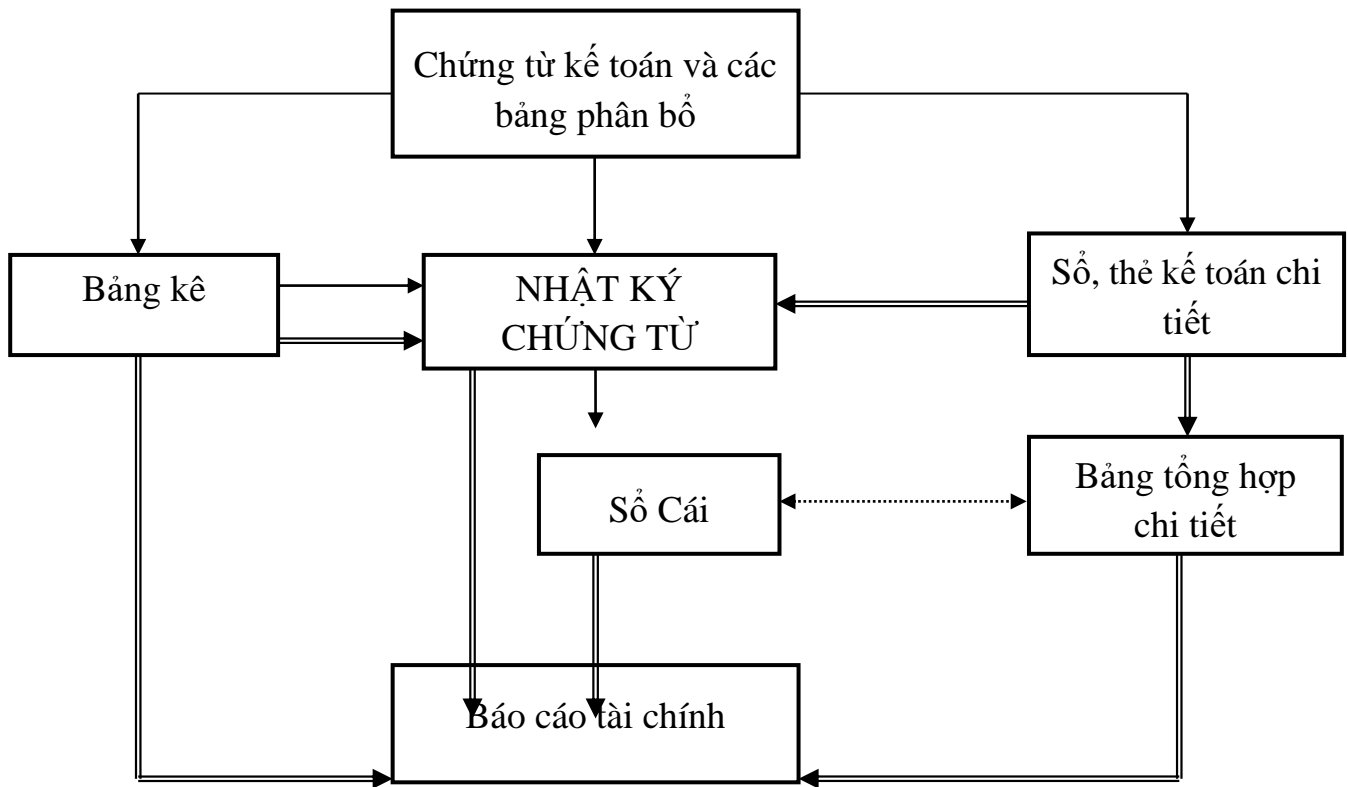
Sơ đồ 1.7: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày →
- Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ ⇒
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra ↔

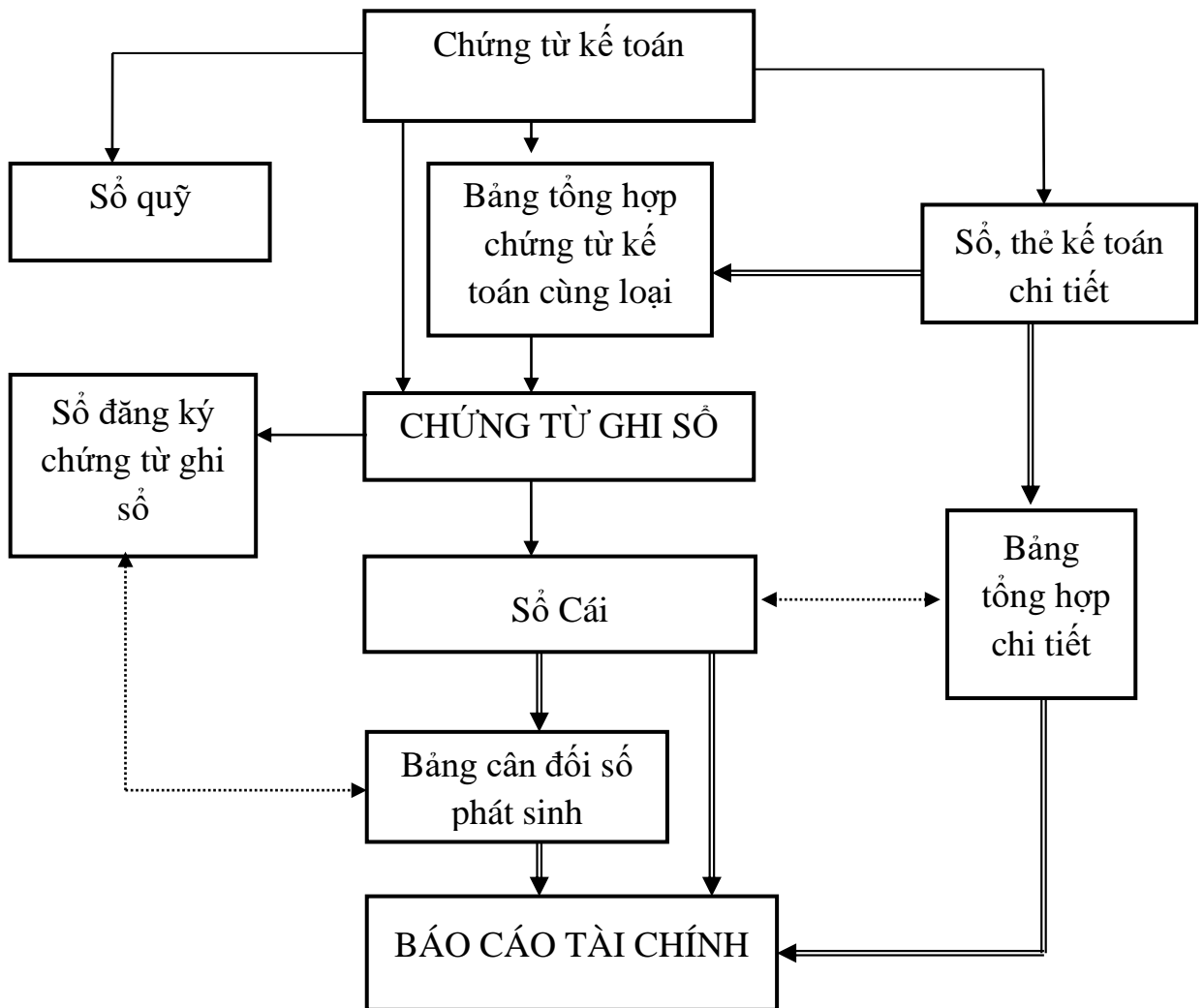
Sơ đồ 1.8: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày →
- Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ ⇒
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra ↔

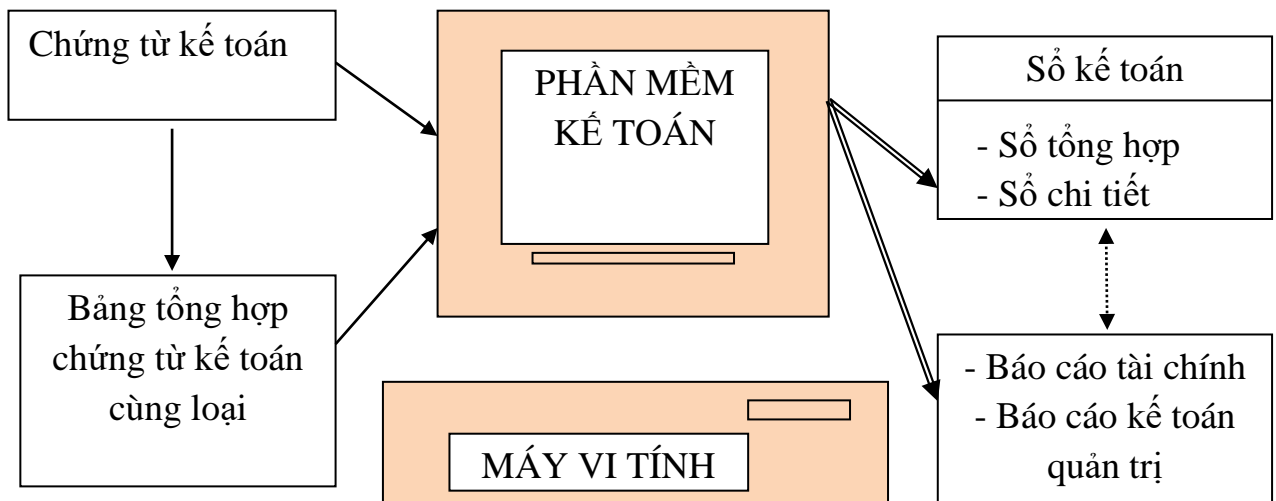
Sơ đồ 1.9: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Chứng từ ghi sổ



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày →
- Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ ⇒
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra ↔

Sơ đồ 1.10: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính



Ghi chú:

- Nhập số liệu hàng ngày →
- In sổ báo cáo cuối tháng, cuối năm →
- Đối chiếu, kiểm tra ↔

CHƯƠNG 2**THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG FCT VIỆT NAM****2.1 Khái quát chung về công ty Cổ phần Xây dựng FCT Việt Nam****2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển của công ty**

Công ty Cổ phần Xây dựng FCT Việt Nam là công ty cổ phần chuyên buôn bán vật liệu kim loại và quặng kim loại; buôn bán thiết bị, phụ tùng tàu thủy tại Hải Phòng.

- Tên doanh nghiệp: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG FCT VIỆT NAM.
- Tên công ty bằng tiếng nước ngoài: VIETNAM FCT CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY.
- Ngày thành lập: 06 – 06 – 2014
- Giấy phép số: 0201560121 do Sở kế hoạch và đầu tư Hải Phòng cấp
- Địa chỉ: Số 517 đường Hùng Vương - Hùng Vương - Hồng Bàng - HP
- Tài khoản giao dịch: 102010002006600 tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (VietinBank) – Chi nhánh Hồng Bàng
- Mã số thuế: 0201560121
- Số điện thoại: 0313.522.169
- Giám đốc: Bùi Văn Hà.
- Vốn điều lệ: 4.000.000.000

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 400.000

STT	Tên cổ đông	Số cổ phần	Giá trị cổ phần(VNĐ)	Tỷ lệ (%)
1.	Bùi Văn Hà	320.000	3.200.000.000	80
2.	Trương Văn Hùng	40.000	400.000.000	10
3.	Lã Thanh Long	40.000	400.000.000	10

Từ khi mới khi mới thành lập cho đến nay, với sự nỗ lực của ban Giám Đốc cùng đội ngũ nhân viên công ty đã, đang và sẽ ngày càng phát triển mạnh mẽ hơn.

2.1.2 Đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty

Công ty chuyên buôn bán vật liệu kim loại và quặng kim loại; buôn bán thiết bị, phụ tùng tàu thủy.

- + Vật liệu kim loại và quặng kim loại: bích, côn, cút ...
- +Thiết bị, phụ tùng tàu thủy: van nước, van xả khí, vòi, ống ...

2.1.3 Những thuận lợi, khó khăn của công ty trong quá trình hoạt động

Trong quá trình hoạt động của mình công ty có nhiều thuận lợi nhưng cũng gặp không ít khó khăn

Thuận lợi:

- Đội ngũ nhân viên trẻ tuổi, năng động, nhiệt huyết, luôn nỗ lực hết mình vì công việc và đặc biệt là tinh thần trách nhiệm rất cao, có tinh thần và kỹ năng làm việc nhóm tốt.
- Môi trường làm việc văn minh, lành mạnh và chuyên nghiệp.
- Cơ sở vật chất tốt như: nhà kho sạch sẽ thoáng đãng, rộng rãi đáp ứng nhu cầu chứa hàng tốt.
- Bộ máy quản lý chuyên nghiệp, nhất quán, dễ dàng kiểm tra, kiểm soát

Khó khăn:

- Đội ngũ nhân viên còn trẻ chưa có nhiều kinh nghiệm nên ban đầu còn gặp nhiều vướng mắc.
- Đối thủ cạnh tranh nhiều.

2.1.4 Những thành tích cơ bản mà công ty đạt được trong 2 năm gần đây

- Quá trình hình thành và phát triển của công ty đã có được kết quả nhất định trong quản lý và kinh doanh. Công tác điều tra và nghiên cứu thị trường luôn luôn được coi trọng và cải tiến không ngừng để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường.
- Cung cấp đa dạng các sản phẩm với giá cả cạnh tranh nhất.
- Ngoài những điều đã nêu thì doanh thu hàng năm của công ty ngày càng tăng cũng thể hiện những nỗ lực không ngừng nghỉ của đội ngũ quản lý và nhân viên trong công ty.

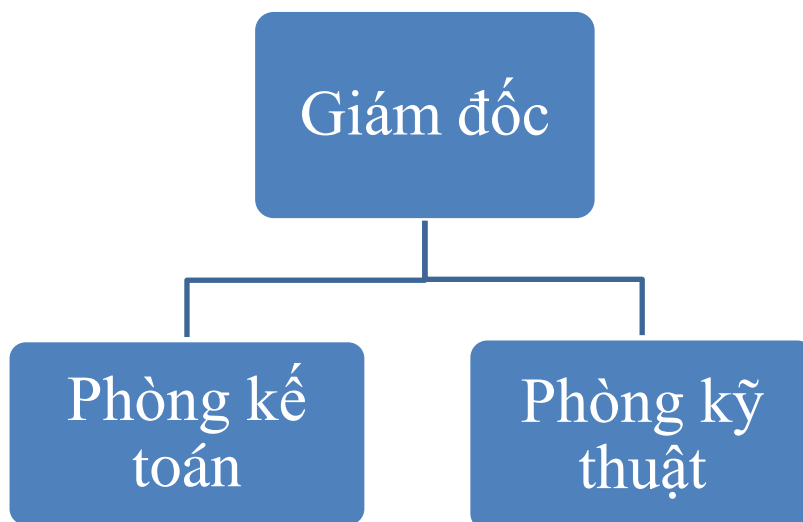
Doanh thu, lợi nhuận tăng đều trong các năm. Thể hiện qua báo cáo qua các năm:

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015
1, DT bán hàng và cung cấp dịch vụ	5,680,120,038	7,339,486,855
2, Các khoản giảm trừ DT	-	-
3, Doanh thu thuần	5,680,120,038	7,339,486,855
4, Giá vốn hàng bán	5,474,491,846	6,600,684,951
5, Lợi nhuận gộp	205,628,192	738,801,904
6, DT hoạt động tài chính	72.858	174,043
7, Chi phí tài chính	12,957,095	1,692,792
8, CPQLKD	177,002,681	672.729.300
9, Thu nhập khác	-	-
10, Chi phí khác	562,341	-
11, LNTT	15,178,933	64.553.855
12, Thuế TNDN	3,035,787	12.910.771
13, LNST	12,143,146	51.643.084

Qua bảng báo cáo kết quả kinh doanh của 2 năm thấy tình hình công ty biến động qua từng năm.. Công ty hoạt động rất hiệu quả, lợi nhuận tăng lên rõ rệt qua từng năm hoạt động, cụ thể năm 2014 là 12,143,146, năm 2015 là 51.643.084. Năm 2015 tăng gấp 4,25 lần so với năm 2014.

Hiện nay với nền kinh tế vô cùng khó khăn, các doanh nghiệp Việt Nam phải đối mặt với nhiều thách thức. Tuy nhiên với những chiến lược kinh doanh thông minh, linh hoạt, biết nắm bắt xu hướng mới và tâm lý khách hàng doanh nghiệp đã đẩy lợi nhuận của công ty tăng lên so với khi vừa thành lập

2.1.5 Mô hình tổ chức bộ máy quản lý của công ty



Sơ đồ 2.1.1: Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý của công ty

Chức năng của từng phòng ban

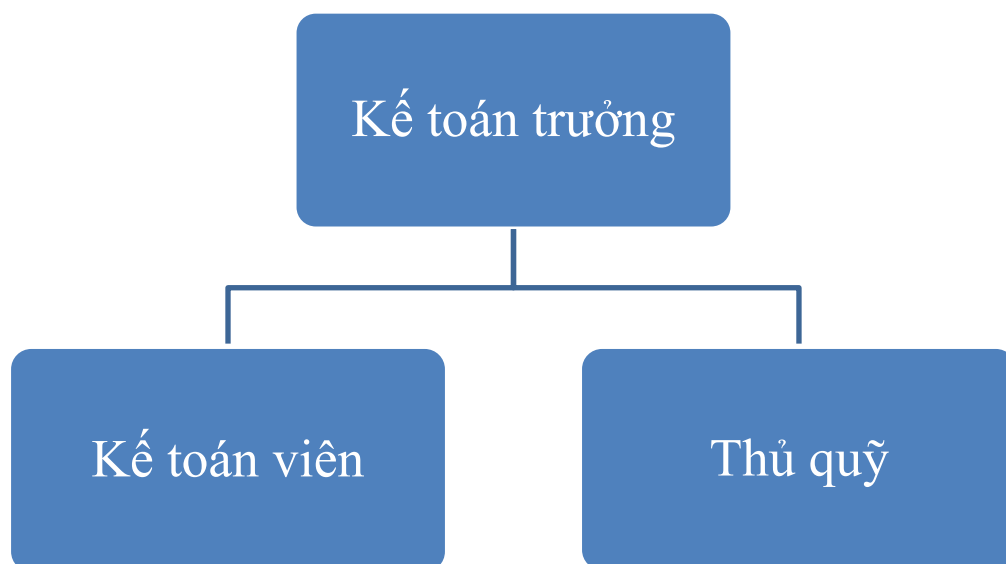
- **Ban giám đốc công ty:** Người lãnh đạo cao nhất, lập ra các định hướng phát triển của công ty, đồng thời giám sát bộ máy quản lý, các hoạt động kinh doanh, chính sách nhân sự, tài chính
- **Phòng Kế toán:** thực hiện và giám sát các công việc về tài chính, quản lý chung bảng lương cho các cấp
- **Phòng kỹ thuật:** phụ trách bốc dỡ, vận chuyển, các loại vật liệu, thiết bị, phụ tùng khi nhập vào và xuất ra; bảo trì các thiết bị hỏng, gặp sự cố.

2.1.6 Đặc điểm tổ chức công tác kế toán của công ty

2.1.6.1 Mô hình tổ chức bộ máy kế toán của công ty

Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo mô hình tập trung. Bộ máy có ý nghĩa quan trọng trong quá trình thu thập, xử lý, cung cấp thông tin cho doanh nghiệp.

Ta có mô hình kế toán của công ty như sau:



Sơ đồ 2.1.2: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán của công ty

- **Kế toán trưởng:** Người đứng đầu phòng tài chính kế toán chịu trách nhiệm trước giám đốc công ty, các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về những thông tin kế toán cung cấp, có trách nhiệm tổ chức điều hành công tác kế toán trong công ty đơn độc, giám sát, hướng dẫn chỉ đạo, kiểm tra các công việc do nhân viên kế toán tiến hành
- **Kế toán viên:** theo dõi, ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào chứng từ, sổ sách. Làm báo giá, hợp đồng, đốc thúc công nợ, cập nhật giá cả, quản lý sổ sách, chứng từ liên quan đến bán hàng của công ty. Có trách nhiệm quản lý thống kê, theo dõi kho nhập, xuất, tồn. Kiểm tra, đối chiếu từng chủng loại hàng hóa, vật tư. Hàng tháng tiến hành lập báo cáo nhập, xuất, tồn. kiểm kê, kiểm tra sổ quỹ tồn quỹ tiền và phản ánh chính xác kịp thời, đầy đủ số liệu hiện có, tình hình biến động vốn bằng tiền trong công ty.

- **Thủ quỹ:** Tiến hành thu chi tiền mặt, phản ánh số tiền thu chi trên sổ quỹ

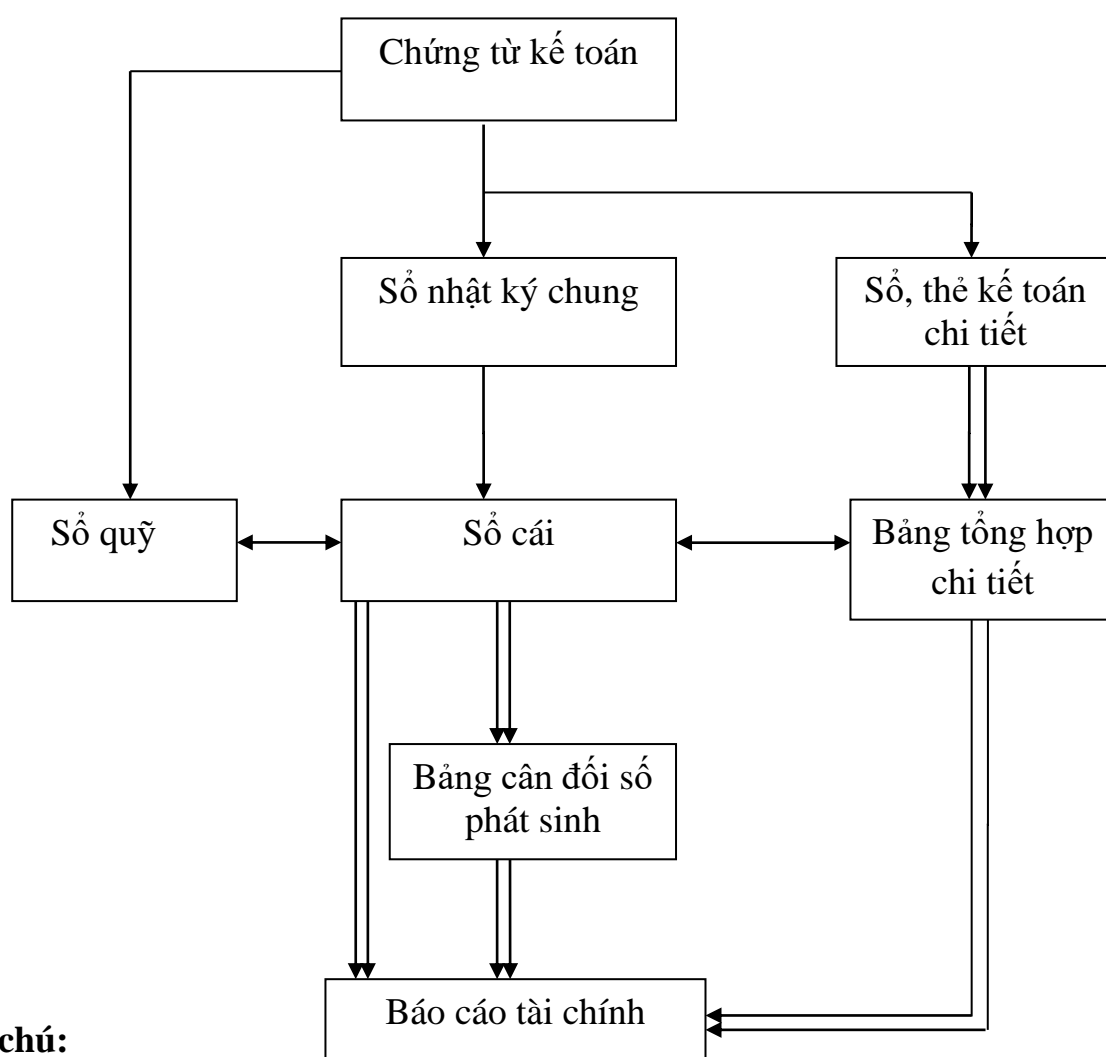
2.1.6.2 Hình thức kế toán, chế độ chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại công ty

Công ty áp dụng hình thức kế toán: Nhật ký chung

Chế độ kế toán công ty áp dụng: Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ do Bộ Tài chính ban hành theo quyết định 48/2006/QĐ – BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính

- Phương pháp tính thuế GTGT: Phương pháp khấu trừ
- Phương pháp khấu hao TSCĐ: Công ty khấu hao theo phương pháp đường thẳng
- Tính giá vốn hàng xuất kho: Phương pháp nhập trước xuất trước
- Phương pháp kế toán hàng tồn kho: kê khai thường xuyên
- Đồng tiền hạch toán: VNĐ

Sơ đồ 2.1.3: Trình tự ghi sổ theo hình thức kế toán Nhật ký chung



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày \longrightarrow
- Ghi cuối tháng hoặc ghi định kỳ \Longrightarrow
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra \longleftrightarrow

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung

(1) Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dung làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ nhật ký chung, sau đó căn cứ vào số liệu đã được ghi vào sổ nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Nếu đơn vị có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

(2) Cuối tháng, cuối quý, cuối năm cộng số liệu trên Sổ cái, lập bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và bảng Tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập các Báo cáo tài chính.

Về nguyên tắc, Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên bảng cân đối số phát sinh phải bằng Tổng tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên sổ Nhật ký chung cùng kỳ.

2.2 Thực trạng công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty Cổ phần xây dựng FCT Việt Nam

Kế toán vốn bằng tiền của Công ty Cổ phần Xây dựng FCT Việt Nam bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng.

2.2.1 Kế toán tiền mặt tại quỹ của công ty**2.2.1.1 Chứng từ sử dụng**

Chứng từ kế toán sử dụng để hạch toán tiền mặt tại công ty bao gồm:

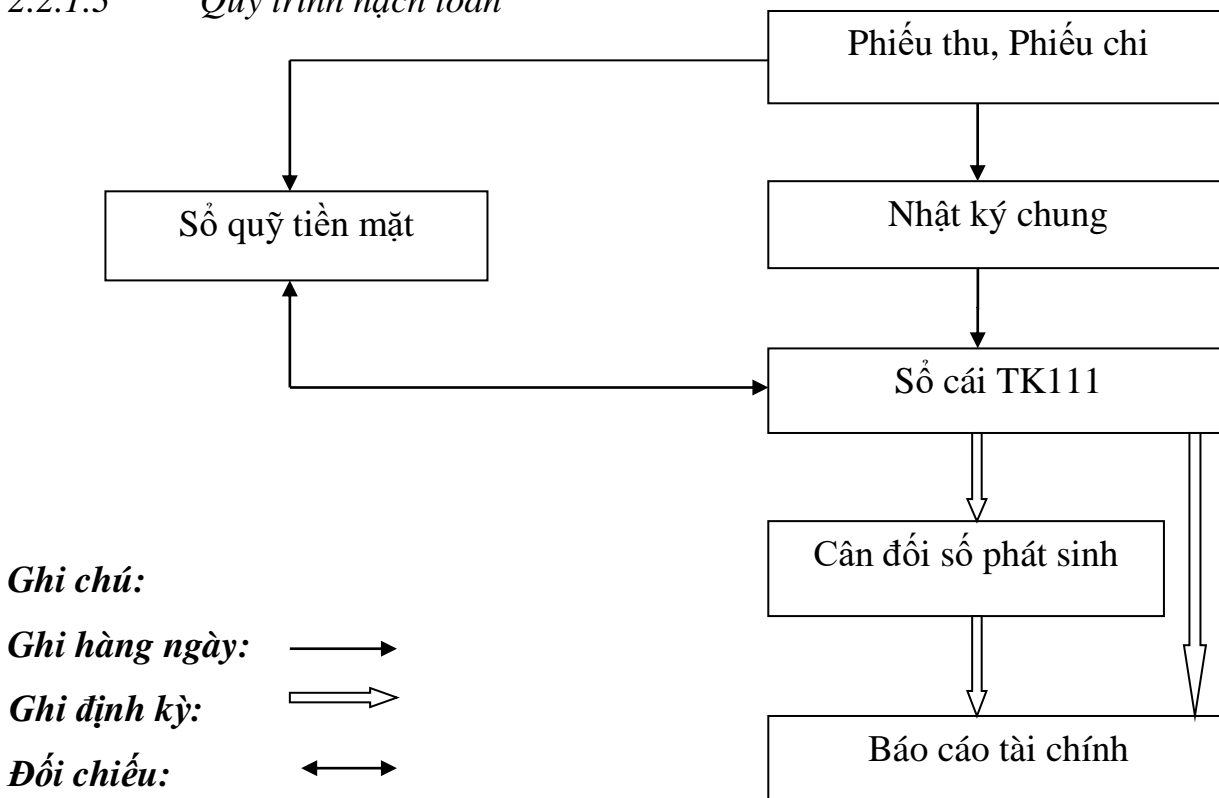
- + Phiếu thu
- + Phiếu chi
- + Giấy đề nghị tạm ứng...

2.2.1.2 Tài khoản sử dụng

Kế toán tiền mặt tại quỹ tại công ty sử dụng tài khoản 111 – Tiền mặt tại quỹ để phản ánh tình hình thu, chi tiền mặt tại công ty.

Ngoài ra, kế toán còn sử dụng các tài khoản liên quan khác như: TK 131, TK 331, TK 133...

2.2.1.3 Quy trình hạch toán



Sơ đồ 2.2.1: Quy trình hạch toán vốn bằng tiền tại Công ty Cổ phần Xây dựng FCT Việt Nam

Hàng ngày, từ các phiếu thu, phiếu chi và các chứng từ khác có liên quan, thủ quỹ tiến hành ghi vào sổ quỹ tiền mặt, kế toán ghi sổ nhật ký chung và từ nhật ký chung vào sổ cái tài khoản. Cuối kỳ, căn cứ vào sổ cái tài khoản lập bảng cân đối số phát rồi lập báo cáo tài chính.

2.2.1.4 Một số ví dụ về hạch toán kế toán tăng tiền mặt tại quỹ tại cty

Nghiệp vụ 1: Ngày 01/04/2015, Công ty bán hàng cho công ty TNHH COMET Việt Nam, đã thu ngay bằng tiền mặt số tiền 3.825.800 đồng (bao gồm VAT).

Định khoản:	Nợ TK 111:	3.825.800 đồng
	Có TK 511:	3.478.000 đồng
	Có TK 3331:	347.800 đồng

Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0000192 ngày 1 tháng 4 năm 2015 (**Biểu số 2.1**), kế toán viết phiếu thu số 1/4 ngày 01/04/2015 (**Biểu số 2.2**). Từ Phiếu thu, thủ quỹ tiến hành ghi sổ quỹ tiền mặt, kế toán vào sổ nhật kí chung, sau đó vào sổ cái TK 111

Biểu số 2.1:

HÓA ĐƠN		Mẫu số 01GTKT3/001			
GIÁ TRỊ GIA TĂNG		Ký hiệu : AA/14P			
Liên 3: Nội bộ		Số: 0000192			
Ngày 1 tháng 4 năm 2015					
Đơn vị bán hàng:	CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG FCT VIỆT NAM				
Mã số thuế:	0201560121				
Địa chỉ:	Số 517 đường Hùng Vương - Hùng Vương - Hồng Bàng – HP				
Điện thoại:	0313.522.169				
Số tài khoản:					
Họ tên người mua hàng:	Giáp Văn Điền				
Tên đơn vị:	Công ty TNHH COMET Việt Nam				
Mã số thuế:	0201382422				
Địa chỉ:	Lô K5, KCN Tràng Duệ, thuộc khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải – Hồng Phong – An Dương – Hải Phòng				
Hình thức thanh toán:	TM	Số tài khoản			
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Ống 76x36	Kg	126	26.000	3.276.000
2	Côn S40 D40/25	Cái	01	20.000	20.000
3	Côn S40 D125/50	Cái	01	182.000	182.000
Cộng tiền hàng:					3.478.000
Thuế suất GTGT: 10%,		Tiền thuế GTGT:		347.800	
Tổng cộng tiền thanh toán:					3.825.800
Số tiền viết bằng chữ: Ba triệu tám trăm hai mươi lăm nghìn tám trăm đồng.					
Người mua hàng		Người bán hàng		Thủ trưởng đơn vị	
<i>(Ký, ghi rõ họ, tên)</i>		<i>(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)</i>		<i>(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)</i>	
<i>(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hoá đơn)</i>					

Căn cứ vào chứng từ gốc và đối chiếu các chứng từ có liên quan khác, kế toán viết phiếu thu số1/4 đồng thời chuyển thủ quỹ nhập quỹ tiền mặt.

Biểu số 2.3:

HÓA ĐƠN			Mẫu số 01GTKT3/001		
GIÁ TRỊ GIA TĂNG			Ký hiệu : AA/14P		
Liên 3: Nội bộ			Số: 0000198		
Ngày 3 tháng 4 năm 2015					
Đơn vị bán hàng:		CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG FCT VIỆT NAM			
Mã số thuế:		0201560121			
Địa chỉ:		Số 517 đường Hùng Vương - Hùng Vương - Hồng Bàng – HP			
Điện thoại:		0313.522.169			
Số tài khoản:		102010002006600 – Vietinbank – CN Hồng Bàng, Hải Phòng			
Họ tên người mua hàng:					
Tên đơn vị:		Công ty TNHH Thương mại cơ khí Trường Thịnh			
Mã số thuế:		0201163558			
Địa chỉ:		Số 2 ngõ 5, tổ dân phố 5, thị trấn An Dương, huyện An Dương, Hải Phòng			
Hình thức thanh toán:		TM/CK	Số tài khoản		
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Thông hơi 5K D65	Cái	5	485.000	2.425.000
2	Thông hơi 5K D100	Cái	9	620.000	5.580.000
3	Van hơi thép gang 1 chiều D32	Cái	1	500.000	500.000
4	Van hơi thép gang 1 chiều D40	Cái	2	550.000	1.100.000
5	Van cứu hỏa 5k D50 + ngoài	Bộ	5	475.000	2.375.000
6	Van cứu hỏa 5k D65 + ngoài	Bộ	5	585.000	2.925.000
7	Van chặn ty chìm INOX D65	Cái	1	877.000	877.000
Cộng tiền hàng:					15.782.000
Thuế suất GTGT: 10%,			Tiền thuế GTGT:		1.578.200
Tổng cộng tiền thanh toán:					17.360.200
Số tiền viết bằng chữ: Mười bảy triệu ba trăm sáu mươi nghìn hai trăm đồng.					
Người mua hàng		Người bán hàng		Thủ trưởng đơn vị	
(Ký, ghi rõ họ, tên)		(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)		(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)	
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hoá đơn)					

Căn cứ vào chứng từ gốc và đối chiếu các chứng từ có liên quan khác, kế toán viết phiếu thu số 72/4 đồng thời chuyển thủ quỹ nhập quỹ tiền mặt.

Biểu số 2.4:

Đơn vị: Công ty Cổ phần Xây dựng FCT Việt Nam	PHIẾU THU Số: 72/4 Ngày 27 tháng 4 năm 2015	Mẫu số 01 – TT (Ban hành theo QĐ số 48/2006QĐ – BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)		
Địa chỉ: Số 517 đường Hùng Vương - Hùng Vương - Hồng Bàng - HP		NỢ: 111 CÓ: 131		
Họ, tên người nộp tiền:	Trương Văn Nam			
Địa chỉ:	Công ty TNHH Thương mại cơ khí Trường Thịnh			
Lý do nộp:	Trả tiền mua hàng ngày 3/4/2015			
Số tiền: 17.360.200	(Viết bằng chữ): Mười bảy triệu ba trăm sáu mươi nghìn hai trăm đồng.			
Kèm theo: HĐGTGT số 0000198	Chứng từ kế toán.			
		Ngày 27 tháng 4 năm 2015		
Người lập phiếu (Ký, họ tên)	Người nộp tiền (Ký, họ tên)	Thủ quỹ (Ký, họ tên)	Kế toán trưởng (Ký, họ tên)	Giám đốc (Ký, họ tên, đóng dấu)
<p>Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Mười bảy triệu ba trăm sáu mươi nghìn hai trăm đồng. + Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý): + Số tiền quy đổi: (Nếu gửi ra ngoài phải đóng dấu)</p>				

2.2.1.5 Một số ví dụ về hạch toán kế toán giảm tiền mặt tại quỹ tại cty

Nghiệp vụ 1: Ngày 23/04/2015, công ty đã mua hàng của công ty TNHH xuất nhập khẩu – thương mại vật tư ngành nước An Phú Thành, đã thanh toán ngay bằng tiền mặt số tiền 14.054.040 đồng (bao gồm VAT).

Định khoản:	Nợ TK 156:	12.776.400 đồng
	Nợ TK 133:	1.277.640 đồng
	Có TK 111:	14.054.040 đồng

Căn cứ vào HĐGTGT số 0000742 ngày 23/04/2015 (**Biểu số 2.5**) mà bên bán gửi cho công ty, kế toán tiến hành ghi phiếu chi số 36/4 ngày 23/4/2015 (**Biểu số 2.6**) đồng thời chuyển thủ quỹ rút tiền mặt trong quỹ trả người bán. Tiếp theo, kế toán ghi sổ nhật ký chung, thủ quỹ ghi sổ quỹ tiền mặt. Sau đó, kế toán tiến hành ghi vào sổ cái TK 111.

Biểu số 2.5: Hóa đơn GTGT bên bán gửi cho công ty

HÓA ĐƠN					
GIÁ TRỊ GIA TĂNG					
Liên 2: Giao khách hàng				Mẫu số 01GTKT3/001	
Ngày 23 tháng 4 năm 2015				Ký hiệu : PT/15P	
				Số: 0000742	
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU – THƯƠNG MẠI VẬT TƯ					
NGÀNH NƯỚC AN PHÚ THÀNH					
Mã số thuế: 0105590003					
Địa chỉ: Số 36, tổ 15 phường Yên Sở, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội					
Điện thoại: 04 85875831 Fax: 04 3645 4513					
Số tài khoản: 1240 202 012 127 tại Ngân hàng NN và PTNT – CN Hoàng Mai – Hà Nội					
Họ tên người mua hàng:					
Tên đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG FCT VIỆT NAM					
Mã số thuế: 0201560121					
Địa chỉ: Số 517 đường Hùng Vương - Hùng Vương - Hồng Bàng – Hải Phòng					
Hình thức thanh toán: TM Số tài khoản					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Mặt bích thép DN100	Cái	300	42.588	12.776.400
Cộng tiền hàng:					12.776.400
Thuế suất GTGT: 10%,			Tiền thuế GTGT:		1.277.640
Tổng cộng tiền thanh toán:					14.054.040
Số tiền viết bằng chữ: Mười bốn triệu không trăm năm mươi tư nghìn không trăm bốn mươi đồng.					
Người mua hàng		Người bán hàng		Thủ trưởng đơn vị	
(Ký, ghi rõ họ, tên)		(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)		(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)	
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hoá đơn)					

Căn cứ vào hóa đơn GTGT bên bán gửi lập phiếu chi số 36/4 đồng thời chuyển cho thủ quỹ nhập quỹ tiền mặt

Biểu số 2.6:


Đơn vị: Công ty Cổ phần Xây dựng FCT Việt Nam	PHIẾU CHI SỐ: 36/4	Mẫu số 02-TT		
Địa chỉ: Số 517 đường Hùng Vương - Hùng Vương - Hồng Bàng - HP	Ngày 23 tháng 4 năm 2015	(Ban hành theo QĐ số 48/2006-QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)		
		NỢ: 156, 133 CÓ: 111		
Họ, tên người nhận tiền:	Nguyễn Văn Tới			
Địa chỉ:	Công ty Cổ phần Xây dựng FCT Việt Nam			
Lý do chi:	Trả tiền bán hàng cho công ty An Phú Thành			
Số tiền: 14.054.040 (Viết bằng chữ):	: Mười bốn triệu không trăm năm mươi tư nghìn không trăm bốn mươi đồng.			
Kèm theo HĐGTGT số 0000742				
		Ngày 23 tháng 4 năm 2015		
Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập	Thủ quỹ	Người nhận tiền
(Ký, họ tên, đóng dấu)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)
Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): : Mười bốn triệu không trăm năm mươi tư nghìn không trăm bốn mươi đồng.				
+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý):				
+ Số tiền quy đổi:				

Nghiệp vụ 2: Ngày 15/04/2015 trả tiền thuê bao Internet tháng 3/2015, số tiền 258.000 đồng

<i>Định khoản:</i>	<i>Nợ TK 6422:</i>	<i>234.545 đồng</i>
	<i>Nợ TK 133:</i>	<i>23.455 đồng</i>
	<i>Có TK 111:</i>	<i>258.000 đồng</i>

Căn cứ vào hóa đơn dịch vụ viễn thông số 00710697 (**Biểu số 2.7**), kế toán lập phiếu chi số 20/4 ngày 15/04/2015 (**Biểu số 2.8**). Từ phiếu chi, thủ quỹ ghi vào sổ quỹ tiền mặt. Kế toán ghi sổ nhật ký chung, sau đó vào Sổ cái TK 111.

Biểu số 2.7:

		HÓA ĐƠN DỊCH VỤ VIỄN THÔNG (GTGT)		Ký hiệu: KD-HP/15BN Số: 0710697	
Mã số thuế: 01 0686973 8 - 05 6 Trung tâm Kinh doanh VNPT – Hải Phòng, Chi nhánh Tổng công ty Dịch vụ Viễn thông Địa chỉ: Số 4 Lạch Tray, Phường Lạch Tray, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam Tên khách hàng (Customer’s name): Công ty Cổ phần Xây dựng FCT Việt Nam Địa chỉ (Address): Số 517 đường Hùng Vương - Hùng Vương - Hồng Bàng – Hải Phòng Số điện thoại: 0313.522.169 Mã số (Code): HPG-05-677491(H_AHAI_22-) Hình thức thanh toán (Kind of Payment): TM/CK MST:					
TT (No)	DỊCH VỤ SỬ DỤNG (Kind of Servic)	ĐVT (Unit)	SỐ LƯỢNG (Quantity)	ĐƠN GIÁ (Prize)	THÀNH TIỀN (Amount)
1	2	3	4	5	6=4x5
	Kỳ cước tháng 3/2015 a, Cước dịch vụ viễn thông b, Cước dvụ viễn thông k thuế c, Chiết khấu + đa dịch vụ d, Khuyến mại e, Trừ đặt cọc + trích thưởng + nợ cũ				234.545 0 0 0 0
(a+b-c-d) Cộng tiền dịch vụ (Total) (1):					234.545
Thuế suất thuế GTGT (VAT rate): 10% x(a) = Tiền thuế GTGT (VAT amount)(2):					23.455
(1+2-e) Tổng công tiền thanh toán (Grand total) (1+2):					258.000
Số tiền viết bằng chữ (In words): Hai trăm năm mươi tám nghìn đồng			Ngày 5 tháng 4 năm 2015 Nhân viên thu tiền (ký, ghi rõ họ tên)		

Căn cứ vào hóa đơn dịch vụ viễn thông công ty nhận được, kế toán lập phiếu chi số 20/4, đồng thời chuyển cho thủ quỹ chi tiền từ trong quỹ.

Biểu số 2.9:**BẢNG THANH TOÁN LƯƠNG THÁNG 04 - 2015**

TT	Họ tên	Ngày công	Lương chính	Phụ cấp ăn ca	Tổng TN	Các khoản trích theo lương trừ vào lương				Các khoản trích theo lương trừ vào CP				Tiền thực lĩnh	Ký nhận
						BHXH	BHYT	BHTN	Cộng	BHXH	BHYT	BHTN	Cộng		
1	B.V.Hà	26	7,500,000	650,000	8,150,000	600,000	112,500	75,000	787,500	1,350,000	225,000	75,000	1,650,000	7,362,500	
2	L.T.Long	26	6,500,000	650,000	7,150,000	520,000	97,500	65,000	682,500	1,170,000	195,000	65,000	1,430,000	6,467,500	
3	B.T.Chiêm	26	4,000,000	650,000	4,650,000	320,000	60,000	40,000	420,000	720,000	120,000	40,000	880,000	4,230,000	
4	L.T.Hường	26	4,000,000	650,000	4,650,000	320,000	60,000	40,000	420,000	720,000	120,000	40,000	880,000	4,230,000	
5	N.T.T.Hà	26	5,000,000	650,000	5,650,000	400,000	75,000	50,000	525,000	900,000	150,000	50,000	1,100,000	5,125,000	
6	N.V.Tới	26	3,500,000	650,000	4,150,000	280,000	52,500	35,000	367,500	630,000	105,000	35,000	770,000	3,782,500	
7	N.V.Hiền	26	3,500,000	650,000	4,150,000	280,000	52,500	35,000	367,500	630,000	105,000	35,000	770,000	3,782,500	
	Cộng		34,000,000	4,550,000	38,550,000	2,720,000	510,000	340,000	3,570,000	6,120,000	1,020,000	340,000	7,480,000	34,980,000	

Ngày 29 tháng 4 năm 2015

Người lập**Giám đốc ký duyệt**

Biểu số 2.10:

Đơn vị: Công ty Cổ phần Xây dựng FCT Việt Nam Địa chỉ: Số 517 đường Hùng Vương - Hùng Vương - Hồng Bàng - HP	PHIẾU CHI Số: 41/6 Ngày 29 tháng 4 năm 2015	Mẫu số 02-TT (Ban hành theo QĐ số 48/2006- QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC) NỢ: 334 CÓ: 111		
Họ, tên người nhận tiền:	Nguyễn Thị Thu Hà			
Địa chỉ:	Công ty Cổ phần Xây dựng FCT Việt Nam			
Lý do chi:	Chi lương tháng 4/2015			
Số tiền: 34.980.000 (Viết bằng chữ):	Ba mươi tư triệu chín trăm tám mươi nghìn đồng.			
Kèm theo BTTLT4				
Ngày 29 tháng 4 năm 2015				
Giám đốc (Ký, họ tên, đóng dấu)	Kế toán trưởng (Ký, họ tên)	Người lập (Ký, họ tên)	Thủ quỹ (Ký, họ tên)	Người nhận tiền (Ký, họ tên)
Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Ba mươi tư triệu chín trăm tám mươi nghìn đồng.				
+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý):				
+ Số tiền quy đổi:				

Biểu số 2.11:

Đơn vị: **Công ty Cổ phần Xây dựng FCT Việt Nam**
 Địa chỉ: Số 517 đường Hùng Vương - Hùng Vương -
 Hồng Bàng - Hải Phòng

(Mẫu số S03a-DNN Ban hành theo
 QĐ 48/2006QĐ-BTC ngày
 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2015

Đơn vị tính: Đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SH TK	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
.....
1/4	PT1/4	1/4	Bán hàng cho Cty TNHH COMET VN thu bằng TM	111 511	3.825.800	3.478.000
				3331		347.800
.....
15/4	PC20/4	15/4	Trả tiền thuê bao Internet tháng 3/2015	6422 133	234.545 23.455	
				111		258.000
15/4	PT29/4	15/4	Bán hàng cho cty TM Kim khí Ngân Khánh thu bằng TM	111 511	6.930.000	6.300.000
				3331		630.000
.....
23/4	PC36/4	23/4	Mua hàng của cty XNK – TM vật tư ngành nước An	156 133	12.776.400 1.277.640	
			Phú Thành trả bằng TM	111		14.054.040
.....
27/4	PT48/4	27/4	Cty TNHH TM cơ khí Trường Thịnh trả nợ tiền hàng	111 131	17.360.200	17.360.200
.....
29/4	PC41/4	29/4	Thanh toán lương tháng 4/2015	334	34.980.000	
				111		34.980.000
.....
			Cộng phát sinh		50.536.111.268	50.536.111.268

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu
 (ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
 (ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
 (ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.12:

Đơn vị: Công ty Cổ phần Xây dựng FCT Việt Nam

Địa chỉ: Số 517 đường Hùng Vương - Hùng Vương - Hồng Bàng - Hải Phòng

Mẫu số: S05a-DNN(Ban hành kèm theo Quyết định Số

48/2006/QĐ-BTC Ngày 14/09/2006 của BTC)

SỔ QUỸ TIỀN MẶT

Loại quỹ: 111 – Năm 2015

Đơn vị tính: Đồng

NT GS	NT CT	SHCT		Diễn giải	Số tiền		
		Thu	Chi		Thu	Chi	Tồn
				<u>Số tồn đầu kỳ</u>			<u>2.385.321.607</u>
.....
1/4	1/4	PT1/4		Bán hàng cho cty TNHH COMET VN thu bằng TM	3.825.800		2.264.425.637
.....
15/4	15/4		PC20/4	Trả tiền thuê bao Internet tháng 3/2015		258.000	1.934.880.111
15/4	15/4		PT29/4	Bán hàng cho cty TM kim khí Ngân Khánh thu bằng TM	6.930.000		1.941.810,111
.....
23/4	23/4		PC36/4	Mua hàng của cty XNK-TM An Phú Thành trả bằng TM		14.054.040	905.413.122
.....
27/4	27/4	PT48/4		Cty TNHH TM cơ khí Trường Thịnh trả nợ tiền hàng	17.360.200		954.429.936
.....
29/4	29/4		PC41/4	Thanh toán lương tháng 4/2015		34.980.000	937.069.736
.....
				<u>Cộng</u>	3.495.940.706	3.573.300.606	
				<u>Số tồn cuối kỳ</u>			<u>2.307.961.707</u>

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu
(ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.13:

Đơn vị: Công ty Cổ phần Xây dựng FCT Việt Nam
 Địa chỉ: Số 517 đường Hùng Vương - Hùng Vương -
 Hồng Bàng - Hải Phòng

Mẫu số S03b-DNN(Ban hành theo
 quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày
 14/6/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tài khoản: 111 – Tiền mặt

Năm 2015 Đơn vị tính: Đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			SDDK		2.385.321.607	
			PS trong kỳ			
.....
1/4	PT1/4	1/4	Bán hàng cho Cty TNHH COMET VN thu bằng TM	511	3.478.000	
				3331	347.800	
.....
15/4	PC20/4	15/4	Trả tiền thuê bao Internet tháng 3/2015	6422		234.545
				133		23.455
15/4	PT29/4	15/4	Bán hàng cho cty TM Kim khí Ngân Khánh thu bằng TM	511	6.300.000	
				3331	630.000	
.....
23/4	PC36/4	23/4	Mua hàng của cty XNK – TM vật tư ngành nước An Phú Thành trả bằng TM	156		12.776.400
				133		1.277.640
.....
27/4	PT48/5	27/4	Cty TNHH TM cơ khí Trường Thịnh trả nợ tiền hàng	131	17.360.200	
.....
29/4	PC41/4	29/4	Thanh toán lương tháng 4/2015	334		34.980.000
.....
			Cộng phát sinh		3.495.940.706	3.573.300.606
			SĐCK		2.307.961.707	

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu
 (ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
 (ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
 (ký, ghi rõ họ tên)

2.2.2 Kế toán tiền gửi ngân hàng tại Công ty Cổ phần Xây dựng FCT Việt Nam

- Tiền gửi ngân hàng phản ánh số hiện có, tình hình biến động tăng, giảm các khoản tiền gửi ngân hàng của công ty. Khi nhận được chứng từ của Ngân hàng gửi đến, kế toán phải kiểm tra, đối chiếu, xác minh và xử lý kịp thời. Nếu đúng rồi thì kế toán vào chứng từ gốc để nhập số liệu vào sổ sách, BCTC
- Công ty mở tài khoản tại ngân hàng: Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (VietinBank) – Chi nhánh Hồng Bàng

2.2.2.1. Chứng từ kế toán sử dụng

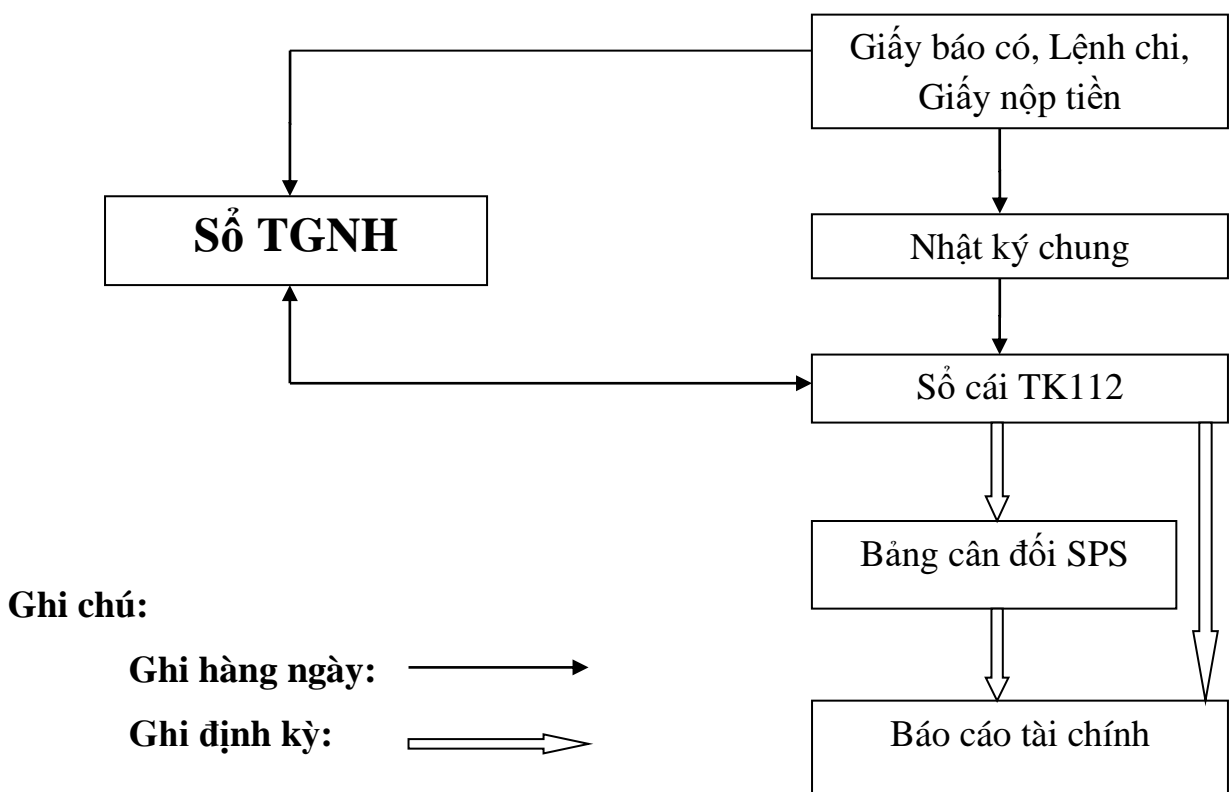
- Lệnh chi, Giấy báo có, giấy báo nợ
- Giấy nộp tiền
- Và các chứng từ khác có liên qua

2.2.2.2. Tài khoản sử dụng


- Tài khoản 112: Tiền gửi ngân hàng
- Các tài khoản khác có liên quan

2.2.2.3. Sơ đồ luân chuyển tiền gửi Ngân hàng

Sơ đồ 2.2.2: Quy trình hạch toán tiền gửi ngân hàng tại Công ty Cổ phần Xây dựng FCT Việt Nam:



Biểu số 2.14:

Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam			
LỆNH CHI Payment Order			
		Số No ____ Ngày Date 25/04/2015	
Liên 2 dành cho khách hàng Copy 2 Customers's Copy			
Tên người trả tiền Payer: Công ty cổ phần xây dựng FCT Việt Nam			
Số tài khoản A/C number: 102010002006600			
Tại ngân hàng With Bank: VietinBank – CN Hồng Bàng, Hải Phòng			
Số tiền bằng chữ Amount in words: Tám triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng		Số tiền bằng số Amount in figures: 8.250.000 VNĐ	
Tên người nhận Payee: Công ty CP sx kinh doanh X-NK PROSIMEX tại Hải Phòng			
Số tài khoản A/C number: 0031000000742			
Tại ngân hàng With Bank: NH TMCP Ngoại Thương Việt Nam – CN Hải Phòng			
Nội dung Remarks: Trả tiền thuê bãi tháng 4/2015			
Người trả tiền Payer:		Ngày hạch toán Accounting date	
Kế toán trưởng Chief accountant	Chủ tài khoản A/C holder	Giao dịch viên Teller	Kiểm soát viên Supervisor

Căn cứ vào lệnh chi, kế toán tiến hành ghi sổ nhật kí chung, số tiền gửi ngân hàng và vào sổ cái TK 112.

Sau khi nhận được giấy báo có của ngân hàng, kế toán tiến hành ghi sổ nhật kí chung, sổ tiền gửi ngân hàng và vào sổ cái TK 112.


Nghiệp vụ 3: Ngày 21/04/2015, mua hàng của Công ty TNHH XNK – TM Vật tư Ngành nước An Phú Thành, trả bằng TGNH số tiền 28.508.700 đồng.

Định khoản:	Nợ TK 156:	25.917.000 đồng
	Nợ TK 133:	2.591.700 đồng
	Có TK 112:	28.508.700 đồng

Biểu số 2.16:

HÓA ĐƠN					
GIÁ TRỊ GIA TĂNG					
Liên 2: Giao khách hàng			Mẫu số		
Ngày 21 tháng 4 năm 2015			01GTKT3/001		
			Ký hiệu : PT/15P		
			Số: 0000734		
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU – THƯƠNG MẠI VẬT TƯ NGÀNH NƯỚC AN PHÚ THÀNH					
Mã số thuế: 0105590003					
Địa chỉ: Số 36, tổ 15 phường Yên Sở, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội					
Điện thoại: 04 85875831 Fax: 04 3645 4513					
Số tài khoản: 1240 202 012 127 tại Ngân hàng NN và PTNT – CN Hoàng Mai – Hà Nội					
Họ tên người mua hàng:					
Tên đơn vị:			CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG FCT VIỆT NAM		
Mã số thuế:			0201560121		
Địa chỉ:			Số 517 đường Hùng Vương - Hùng Vương - Hồng Bàng – Hải Phòng		
Hình thức thanh toán:			CK Số tài khoản		
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Bích D80	Cái	30	622.400	18.672.000
2	Bích D125	Cái	70	103.500	7.245.000
Cộng tiền hàng:					25.917.000
Thuế suất GTGT: 10%,			Tiền thuế GTGT:		2.591.700
Tổng cộng tiền thanh toán:					28.508.700
Số tiền viết bằng chữ: Hai mươi tám triệu năm trăm linh tám nghìn bảy trăm đồng.					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ, tên)		Người bán hàng (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)	
<i>(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hoá đơn)</i>					

Biểu số 2.17:

Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam			
LỆNH CHI Payment Order			
		Số No ____ Ngày Date 21/04/2015	
Liên 2 dành cho khách hàng Copy 2 Customers's Copy			
Tên người trả tiền Payer: Công ty cổ phần xây dựng FCT Việt Nam			
Số tài khoản A/C number: 102010002006600			
Tại ngân hàng With Bank: VietinBank – CN Hồng Bàng, Hải Phòng			
Số tiền bằng chữ Amount in words: Bảy trăm triệu đồng.		Số tiền bằng số Amount in figures: 28.508.700 VND	
Tên người nhận Payee: Công ty TNHH XNK Vật tư Ngành nước An Phú Thành			
Số tài khoản A/C number: 1240 202 012 127			
Tại ngân hàng With Bank: Ngân hàng Agribank – CN Hoàng Mai – Hà Nội			
Nội dung Remarks: Thanh toán tiền hàng.			
Người trả tiền Payer:		Ngày hạch toán Accounting date	
Kế toán trưởng Chief accountant	Chủ tài khoản A/C holder	Giao dịch viên Teller	Kiểm soát viên Supervisor

Sau khi nhận được giấy báo có của ngân hàng, kế toán tiến hành ghi sổ nhật ký chung, sổ tiền gửi ngân hàng và vào sổ cái TK 112.

Biểu số 2.18:

Đơn vị: **Công ty Cổ phần Xây dựng FCT Việt Nam**
 Địa chỉ: Số 517 đường Hùng Vương - Hùng Vương -
 Hồng Bàng - Hải Phòng

(Mẫu số S03a-DNN Ban hành theo
 QĐ 48/2006QĐ-BTC ngày
 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2015

Đơn vị tính: Đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SH TK	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
.....
21/4	LC	21/4	Mua hàng của cty XNK – TM	156	25.917.000	
			vật tư ngành nước An Phú	133	2.591.700	
			Thành thanh toán bằng TGNH	112		28.508.700
.....
22/4	GBC	22/4	CT TNHH VTB Quyết Tâm	112	100.000.000	
			thanh toán tiền mua VTHH	131		100.000.000
.....
25/4	LC	25/4	Trả tiền thuê bãi cho cty	331	8.250.000	
			KD XNK PROSIMEX	112		8.250.000
25/4	GBC	25/4	Nhận ứng trước tiền hàng của	112	50.000.000	
			cty TM kim khí Ngân Khánh	131		50.000.000
.....
			Cộng phát sinh		50.536.111.268	50.536.111.268

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu
 (ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
 (ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
 (ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.19:

Tên đơn vị: Công ty Cổ phần Xây dựng FCT Việt Nam
 Địa chỉ: Số 517 đường Hùng Vương - Hùng Vương - Hồng Bàng - Hải Phòng
 MST: 0201560121

Mẫu số S06 - DNN
 (Ban hành theo QĐ48/2006QĐ-BTC
 Ngày 14/09/2006 của Bộ Tài Chính)

SỔ TIỀN GỬI NGÂN HÀNG
 Từ ngày 01/01/2015 đến 31/12/2015
 Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam
 TKNH: 102010002006600

Đơn vị tính: Đồng

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền		
	SH	NT			Thu (gửi vào)	Chi (rút ra)	Còn lại
A	B	C	D	E	1	2	3
			Số dư đầu năm				255.917.759
...
21/4	LC	21/4	Mua hàng của An Phú Thành thanh toán bằng TGNH	156		25.917.000	989.632.506
				133		2.591.700	987.040.806
...
22/4	GBC	22/4	Cty VTB Quyết Tâm thanh toán tiền hàng	131	100.000.000		854.428.471
...
25/4	LC	25/4	Trả tiền thuê bãi cho cty KD XNK PROSIMEX	331		8.250.000	227.109.190
25/4	GBC	25/4	Nhận ứng trước tiền hàng của cty TM kim khí Ngân Khánh	131	50.000.000		277.109.190
...
			Tổng số phát sinh		6.854.927.135	7.108.386.319	
			Số dư cuối năm				2.458.575

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu
 (ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
 (ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
 (ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.20:

Đơn vị: Công ty Cổ phần Xây dựng FCT Việt Nam
 Địa chỉ: Số 517 đường Hùng Vương - Hùng Vương -
 Hồng Bàng - Hải Phòng

Mẫu số S03b-DNN(Ban hành theo
 quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày
 14/6/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tài khoản: 112 – Tiền gửi ngân hàng

Năm 2015

Đơn vị tính: Đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			<u>SDDK</u>			<u>255.917.759</u>
			PS trong kỳ			
.....
21/4	LC	21/4	Mua hàng của cty XNK – TM vật tư ngành nước An Phú	156		25.917.000
			Thành thanh toán bằng TGNH	133		2.591.700
.....
22/4	GBC	22/4	CT TNHH VTB Quyết Tâm thanh toán tiền mua VTHH	131	100.000.000	
.....
25/4	LC	25/4	Trả tiền thuê bãi cho cty KD XNK PROSIMEX	331		8.250.000
25/4	GBC	25/4	Nhận ứng trước tiền hàng của cty TM kim khí Ngân Khánh	131	50.000.000	
.....
			Cộng phát sinh		6.854.927.135	7.108.386.319
			<u>SDCK</u>			<u>2.458.575</u>

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu
 (ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
 (ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
 (ký, ghi rõ họ tên)

CHƯƠNG 3**MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ
TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG
FCT VIỆT NAM****3.1 Đánh giá chung về công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty Cổ phần
Xây dựng FCT Việt Nam**

Cùng với nhịp độ phát triển của đất nước, vận động trong cơ chế thị trường, qua hơn một năm hoạt động và phát triển, không ngừng vươn lên tự khẳng định mình là một doanh nghiệp kinh doanh hoạt động có hiệu quả. Để đạt được những thành quả đó là nhờ công ty có định hướng đúng đắn trong chiến lược phát triển kinh doanh, coi thị trường là mục tiêu vươn tới, không ngừng thỏa mãn khách hàng, từng bước nâng cao trình độ đội ngũ lãnh đạo và quản lý, đồng thời quán triệt trong tổ chức quản lý tài chính. Đặc biệt là trong công tác hạch toán kế toán công ty vận dụng một cách triệt để và không ngừng hoàn thiện. Việc đánh giá tình hình thực hiện hạch toán kế toán vốn bằng tiền và các nghiệp vụ thanh toán trong công ty là hết sức cần thiết, nó còn là một trong những căn cứ làm đòn bẩy cho đội ngũ kế toán công ty thể hiện trình độ và năng lực chuyên môn của mình.

Trong nền kinh tế thị trường công ty tham gia và hoạt động sản xuất kinh doanh với tư cách là một chủ thể kinh tế, được pháp luật đảm bảo, luôn lấy tiêu chí lợi nhuận làm mục tiêu hàng đầu, nên sự cạnh tranh giữa các doanh nghiệp khác là không thể tránh khỏi. Đứng trước những thách thức đó bên cạnh việc nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh, công ty còn luôn phải tìm biện pháp hạch toán vốn bằng tiền, nhằm đạt hiệu quả cao nhất thúc đẩy hoạt động kinh doanh của công ty.

Qua thời gian thực tập tốt nghiệp tại công ty cổ phần xây dựng FCT Việt Nam và nhận được sự giúp đỡ tận tình của Ban giám đốc, phòng kế toán ... đã giúp em hiểu thêm rất nhiều kiến thức thực tế và công tác hạch toán kế toán. Kết hợp với kiến thức cơ bản mà em đã được học trên ghế nhà trường, em có một số ý kiến

nhận xét về công tác hạch toán kế toán và tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

3.1.1 Ưu điểm

3.1.1.1 Về bộ máy quản lý:

Công ty cổ phần xây dựng FCT Việt Nam là một doanh nghiệp hạch toán độc lập, công ty đã tìm cho mình một bộ máy quản lý, phương thức kinh doanh sao cho có hiệu quả nhất. Công ty có những biện pháp quản lý chặt chẽ ở tất cả các khâu, các bộ phận một cách nhịp nhàng và có hiệu quả.

3.1.1.2 Về tổ chức bộ máy kế toán:

Việc tổ chức thực hiện các chức năng, nhiệm vụ và nội dung của công tác hạch toán kế toán trong công ty do bộ máy kế toán đảm nhận. Tổ chức cơ cấu bộ máy kế toán của công ty hợp lý, gọn nhẹ và hoạt động có hiệu quả cao, phù hợp với đặc điểm kinh doanh.

Công tác hạch toán kế toán ở công ty nói chung và công tác hạch toán vốn bằng tiền nói riêng luôn được quan tâm chặt chẽ và không ngừng từng bước hoàn thiện.

Ngoài ra, các cán bộ kế toán ở công ty là những người có năng lực, có trình độ nghiệp vụ, nắm vững chuyên môn và vận dụng một cách linh hoạt các phương thức kế toán phù hợp với hoạt động kinh doanh của công ty.

3.1.1.3 Về hình thức kế toán.

Công ty áp dụng hình thức kế toán “Nhật ký chung”. Hình thức này đơn giản về quy trình hạch toán và số lượng sổ sách, phù hợp với quy mô, đặc điểm hoạt động kinh doanh, yêu cầu quản lý, trình độ quản lý của kế toán viên cũng như Ban giám đốc. Tất cả các nghiệp vụ phát sinh đều được ghi vào Sổ Nhật ký chung theo trình tự thời gian phát sinh và nội dung kinh tế của nghiệp vụ đó. Do đó, mọi thông tin kế toán đều được cập nhật thường xuyên và đầy đủ, dễ dàng theo dõi mọi hoạt động, kịp thời phát hiện và sửa chữa sai sót.

3.1.1.4 Về hạch toán kế toán

➤ Sổ sách kế toán

Kế toán tổng hợp đã mở các sổ sách cần thiết để theo dõi thu, chi tiền mặt, tiền gửi ngân hàng như: Sổ cái tiền mặt, sổ cái tiền gửi Ngân hàng... Các sổ liệu trên sổ sách có tính đối chiếu cao, đáp ứng đầy đủ, kịp thời nhu cầu về vốn cho sản xuất kinh doanh.

➤ Chứng từ kế toán

Kế toán sử dụng hệ thống chứng từ kế toán đúng chế độ kế toán của Bộ tài chính ban hành. Các chứng từ sử dụng trong quá trình hạch toán ban đầu đều phù hợp với yêu cầu kinh tế, pháp lý của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Những thông tin về nghiệp vụ kế toán được ghi đầy đủ, chính xác vào chứng từ, tạo điều kiện cho việc tìm kiếm tra, đối chiếu khi cần thiết. Trình tự luân chuyển chứng từ đảm bảo cho chứng từ lập ra có cơ sở thực tế, cơ sở pháp lý. Việc lưu trữ chứng từ tương đối khoa học và được giám sát chặt chẽ, kế toán ở phần hành nào thì lưu trữ chứng từ liên quan đến phần hành đó. Vì vậy, bảo đảm tính không chồng chéo và nguyên tắc phân công rõ ràng để lãnh đạo nắm bắt tình hình nhanh chóng.

➤ Hệ thống tài khoản sử dụng

Công ty áp dụng hệ thống tài khoản thống nhất theo chế độ báo cáo tài chính mẫu báo cáo kế toán do Bộ tài chính quy định theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC của Bộ trưởng Bộ tài chính ban hành ngày 14/09/2006 và các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ tài chính và các thông tư hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung.

3.1.1.5 Về công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty

Trong công tác hạch toán kế toán tại công ty thì hạch toán vốn bằng tiền là khâu vô cùng quan trọng. Nhờ nhận thức rõ được điều này, công ty đã có những biện pháp tích cực trong việc tổ chức hạch toán cũng như tổ chức quản lý và sử dụng vốn bằng tiền.

- Hệ thống chứng từ kế toán: Việc quản lý chứng từ gốc về các khoản thu, chi đảm bảo đúng nguyên tắc. Các phiếu thu chi được đóng thành sổ theo từng tháng.

- Vốn bằng tiền là loại tài sản đặc biệt, nó là vật ngang giá chung, do vậy, trong quá trình quản lý rất dễ xảy ra tham ô, lãng phí. Nhận thức được điều đó, để quản lý chặt chẽ vốn bằng tiền, công ty đã thực hiện được:
 - + Tiền mặt được bảo quản trong két an toàn, chống mất trộm, chống cháy, đảm bảo tính an toàn cao. Công tác kế toán tổng hợp được đơn giản hóa tới mức tối đa, cho phép ghi chép kịp thời một cách tổng hợp những hiện tượng kinh tế có liên quan đến tình trạng biến động của vốn bằng tiền.
 - + Mọi biến động của vốn bằng tiền phải có chứng từ hợp lý, hợp lệ, hợp pháp.
 - + Việc sử dụng chỉ tiêu vốn bằng tiền đúng mục đích, đúng chế độ.
- Công ty tiến hành quản lý một cách chặt chẽ tiền mặt tại quỹ, thường xuyên kiểm tra tài khoản tại Ngân hàng. Công tác vốn bằng tiền được thông tin kịp thời, chính xác các nghiệp vụ thu, chi tại quỹ. Vào sổ sách theo đúng trình tự các chứng từ sử dụng theo mẫu quy định của Bộ tài chính ban hành.
- Đối với tiền gửi Ngân hàng, kế toán liên hệ chặt chẽ và có quan hệ tốt với Ngân hàng. Tập hợp theo dõi đầy đủ các chứng từ và đối chiếu với Ngân hàng.

Lãnh đạo công ty cùng với kế toán trưởng luôn luôn giám sát chặt chẽ tình hình thu, chi và quản lý tiền mặt, tiền gửi ngân hàng để đáp ứng nhu cầu thanh toán, đảm bảo cho quá trình kinh doanh của công ty được diễn ra liên tục, đem lại hiệu quả cao.

Như vậy, việc tổ chức công tác kế toán vốn bằng tiền đã đáp ứng được nhu cầu của công ty đề ra: Đảm bảo tính thống nhất về mặt phạm vi, phương pháp tính toán các chỉ tiêu kinh tế, đảm bảo các số liệu kế toán phản ánh trung thực, hợp lý, rõ ràng.

3.1.1.6 Về đội ngũ cán bộ nhân viên

Hiện nay, trong nền kinh tế thị trường, các doanh nghiệp lao vào cuộc cạnh tranh nhau để chứng tỏ mình là doanh nghiệp có tiềm năng nhằm thu hút vốn đầu tư, tạo ra lợi nhuận cao nhất. Muốn làm được điều này thì các nhà quản lý cần phải có chiến lược cạnh tranh, nghiên cứu thị trường để khai thác một cách có hiệu quả nhất lợi nhuận trong kinh doanh. Một trong những nhân tố quan trọng đó chính là

về con người. Phòng kế toán thường xuyên chú trọng đến công tác đào tạo và bồi dưỡng nghiệp vụ cho các cán bộ kế toán, tạo nên bộ máy hoàn chỉnh. Cả phòng kế toán làm việc ăn khớp, nhịp nhàng, có hiệu quả, cung cấp số liệu cụ thể, chi tiết, chính xác, kịp thời nhằm thực hiện tốt nhất công tác kế toán nói chung và kế toán vốn bằng tiền nói riêng.

Công ty có đội ngũ cán bộ kế toán có năng lực, trình độ, kinh nghiệm, làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, yêu nghề.

Trên đây là một số những nhận xét về ưu điểm của Công ty Cổ phần Xây dựng FCT Việt Nam nói chung và phòng kế toán nói riêng trong việc tìm ra con đường kinh doanh có hiệu quả nhất.

3.1.2 Tồn tại cần khắc phục

Bên cạnh những ưu điểm kể trên, do những nhân tố khách quan và chủ quan nhất định tác động bên trong công tác kế toán nói chung và công tác kế toán vốn bằng tiền nói riêng nên công ty vẫn còn tồn tại một số hạn chế.

3.1.2.1 Về công tác kiểm kê quỹ tiền mặt

Cuối tháng hoặc định kỳ công ty chưa tiến hành kiểm kê quỹ tiền mặt và lập bảng kiểm kê quỹ. Việc theo dõi đối chiếu số tiền thực tế có tại quỹ với sổ quỹ gặp nhiều khó khăn. Như vậy sẽ ảnh hưởng đến việc mua bán chi tiêu bằng tiền mặt tại công ty.

3.1.2.2 Về việc trích lập khoản dự phòng phải thu khó đòi

Hiện nay công ty không tiến hành trích lập dự phòng đối với những khách hàng khó có khả năng thanh toán. Do vậy, khi xảy ra trường hợp khách hàng bị phá sản không có khả năng thanh toán thì công ty không có khoản dự phòng để bù đắp rủi ro.

3.1.2.3 Về việc chưa ứng dụng tin học vào công tác kế toán

Hiện nay công ty chưa có phần mềm riêng biệt để phục vụ công tác kế toán nên doanh nghiệp vẫn chưa phát huy hết vai trò của máy tính trong công tác hạch toán kế toán, chưa tiết kiệm được thời gian lao động của nhân viên kế toán. Phần lớn các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được ghi bằng tay, vào cuối kỳ kế toán khối lượng công việc là tương đối lớn, nhân viên kế toán phải làm thêm giờ nếu không có phần

mềm kế toán rất dễ xảy ra sai sót đáng tiếc. Trong nền kinh tế năng động và phát triển như hiện nay chưa áp dụng phần mềm kế toán là khó khăn trở ngại lớn cho công ty.

3.1.3 Một số giải pháp hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Xây dựng FCT Việt Nam.

❖ Kiến nghị 01: Hoàn thiện việc kiểm kê quỹ vào cuối tháng hoặc định kỳ

Công ty nên tiến hành kiểm kê quỹ định kỳ hoặc đột xuất hoặc khi bàn giao quỹ, biên bản kiểm kê quỹ phải ghi rõ số hiệu chứng từ và thời điểm kiểm kê. Trước khi kiểm kê quỹ, thủ quỹ phải ghi sổ quỹ, tất cả các phiếu thu, chi và tính số dư tồn quỹ đến thời điểm kiểm kê, mọi khoản chênh lệch quỹ đều phải báo cáo với giám đốc để xem xét giải quyết.

Khi tiến hành kiểm kê phải tiến hành kiểm kê riêng từng loại tiền có trong quỹ, khi có chênh lệch phải ghi rõ nguyên nhân gây ra thừa thiếu và phải báo cáo giám đốc xem xét, giải quyết

Bảng kiểm kê quỹ được lập thành hai bản: Một bản lưu ở thủ quỹ, một bản phải lưu ở kế toán quỹ tiền mặt hoặc kế toán thanh toán. Cách xử lý các trường hợp khi kiểm kê gặp phải:

- Các khoản thừa quỹ tiền mặt phát hiện khi kiểm kê chưa xác rõ nguyên nhân, ghi:

Nợ TK 111 – Tiền mặt

Có TK 338 – Phải trả, phải nộp khác (3381)

- Các khoản thừa quỹ tiền mặt phát hiện khi kiểm kê chưa xác rõ nguyên nhân, ghi:

Nợ TK 138 – Phải thu khác (1381)

Có 111 – Tiền mặt

Bảng kiểm kê quỹ tiền mặt được lập theo mẫu sau:

Biểu số 3.1:

Đơn vị:

Mẫu số: 08a - TT

Địa chỉ:

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

BẢNG KIỂM KÊ QUỸ

(Dùng cho VNĐ)

Số:

Hôm nay, vào ... giờ ... ngày ... tháng ... năm ...

Chúng tôi gồm:

Ông/Bà:Đại diện Kế toán

Ông/Bà:Đại diện Thủ quỹ

Ông/Bà:Đại diện

Cùng tiến hành kiểm kê quỹ tiền mặt kết quả như sau:

STT	Diễn giải	Số lượng	Số tiền
A	B	1	2
I	Số dư theo sổ quỹ:	x
II	Số kiểm kê thực tế	x
1	Trong đó:		
2	- Loại
3	- Loại
4	- Loại
5	-
III	Chênh lệch (III = I – II)	x

- Lý do:

+ Thừa:

+ Thiếu:

- Kết luận sau khi kiểm kê quỹ:

Kế toán trưởng

Thủ quỹ

Người chịu trách nhiệm kiểm kê quỹ

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Biểu số 3.2: Bảng kiểm kê quỹ tháng 4/2012

Đơn vị: Công ty Cổ phần Xây dựng FCT Việt Nam

Mẫu số: 08a - TT

Địa chỉ: Số 517 đường Hùng Vương - Hùng Vương - (Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC
 Hồng Bàng - Hải Phòng ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

BẢNG KIỂM KÊ QUỸ
(Dùng cho VNĐ)

Số: 4

Hôm nay, vào ... giờ ... ngày ... tháng ... năm ...

Chúng tôi gồm:

Ông/Bà: Nguyễn Thị Thu Hà - Đại diện Kế toán

Ông/Bà: Lê Thu Hương - Đại diện Thủ quỹ

Cùng tiến hành kiểm kê quỹ tiền mặt kết quả như sau:

STT	Diễn giải	Số lượng	Số tiền
A	B	1	2
I	Số dư theo sổ quỹ:		137.620.000
II	Số kiểm kê thực tế	x	
	Trong đó:		
1.	- Loại: 500.000	122	61.000.000
2.	- Loại: 200.000	200	40.000.000
3.	- Loại: 100.000	300	30.000.000
4.	- Loại: 50.000	100	5.000.000
5.	- Loại: 20.000	20	400.000
6.	- Loại: 10.000	22	210.000
7.	- Loại: 5.000	1	5.000
8.	- Loại: 2.000	2	4.000
9.	- Loại: 1.000	0	
10.	- Loại: 500	2	1.000
III	Chênh lệch (III = I – II)		0

- Lý do:

+ Thừa:

+ Thiếu:

- Kết luận sau khi kiểm kê quỹ:

Kế toán trưởng

Thủ quỹ

Người chịu trách nhiệm kiểm kê quỹ

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

❖ **Kiến nghị 02: Hoàn thiện việc trích lập khoản dự phòng phải thu khó đòi**

Hiện nay, các khoản phải thu của khách hàng tại công ty rất lớn, điều này đã gây rất nhiều khó khăn cho công ty trong các trường hợp cần vốn gấp. Vì vậy công ty nên có những biện pháp để khuyến khích khách hàng thanh toán nhanh và sớm như:

- Công ty nên có chính sách chiết khấu thanh toán đối với những khách hàng thanh toán tiền ngay hoặc thanh toán sớm hơn thời hạn thỏa thuận ban đầu, áp dụng đối với cả khách hàng thanh toán một nửa hóa đơn GTGT ngay bằng tiền mặt hoặc gửi qua Ngân hàng.

- Các khoản nợ quá hạn và khó đòi phát sinh trong kỳ thì phải lập hồ sơ theo dõi riêng từng khoản nợ, từng đối tượng khách hàng, hàng tháng báo cáo lên ban giám đốc và tiến hành trích lập khoản dự phòng cho từng khoản nợ phải thu khó đòi.

+ Theo Thông tư 228/2009/TT-BTC ban hành ngày 07/12/2009 hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi theo phương pháp xác định mức dự phòng cần trích lập:

+ Theo Thông tư 89/2013/TT-BTC ban hành ngày 28/06/2013 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính

Thời gian quá hạn thanh toán	Mức dự phòng cần trích lập
6 tháng $\leq t < 1$ năm	30% giá trị nợ phải thu quá hạn
1 năm $< t < 2$ năm	50% giá trị nợ phải thu quá hạn
2 năm $< t < 3$ năm	70% giá trị nợ phải thu quá hạn
> 3 năm	100% giá trị nợ phải thu quá hạn

+ Nếu số dự phòng phải thu khó đòi theo số chênh lệch phải lập năm nay lớn hơn số đã lập năm trước chưa sử dụng hết.

Nợ TK 6422: Chi phí quản lý doanh nghiệp

Có TK 159(1592): Dự phòng phải thu khó đòi

+ Hoàn nhập khoản dự phòng phải thu khó đòi theo số chênh lệch phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước chưa sử dụng hết.

Nợ TK 159(1592): Dự phòng phải thu khó đòi

Có TK 6422: Chi phí quản lý doanh nghiệp

+ Các khoản nợ phải thu khó đòi khi xác định thực sự là không đòi được, được phép xóa nợ (Việc xóa nợ phải tiến hành đúng theo chế độ kế toán hiện hành) căn cứ vào quyết định xóa nợ về khoản nợ phải thu khó đòi ghi:

Nợ TK 159 (1592): Dự phòng phải thu khó đòi (Nếu đã lập dự phòng)

Nợ TK 642: Chi phí quản lý doanh nghiệp (Nếu chưa lập dự phòng)

Có TK 131: Phải thu khách hàng

Hoặc: Có TK 138: Phải thu khác

Đồng thời ghi vào bên nợ TK 004 (Nợ khó đòi đã xử lý) để theo dõi thu hồi khi khách hàng nợ có điều kiện trả nợ.

+ Đối với các khoản phải thu khó đòi đã được xử lý nợ, nếu sau đó thu hồi được, kế toán ghi:

Nợ TK 111,112: Số tiền khách trả nợ

Có TK 711: Thu nhập khác

Đồng thời ghi đơn bên có TK 004 (Nợ khó đòi đã xử lý)

❖ **Kiến nghị 03: Hoàn thiện việc trích lập khoản dự phòng phải thu khó đòi**

Để giảm tải khối lượng công việc và có thể tập hợp chi phí sản xuất nhanh chóng thì Công ty nên áp dụng phần mềm kế toán nhằm chuyên môn hóa hoạt động kế toán.

Một số phần mềm kế toán hiện nay mà các doanh nghiệp sản thường sử dụng là:

- Phần mềm kế toán MISA của Công ty cổ phần MISA
- Phần mềm kế toán FAST của Công ty CP Phần mềm FAST
- Phần mềm kế toán SASINNOVA của công ty cổ phần SIS Việt Nam...

KẾT LUẬN

Cùng với xu hướng hội nhập của nền kinh tế thế giới, kinh tế Việt Nam đang từng bước hoàn thiện và khẳng định mình. Để làm được điều đó mỗi cá nhân, mỗi tổ chức đã nỗ lực trong mọi lĩnh vực đặc biệt là lĩnh vực kinh tế. Chính sự thay đổi không ngừng đó mà sự thay đổi trong từng doanh nghiệp có một vai trò hết sức to lớn. Từ việc cải tổ bộ máy quản lý, khâu sản xuất đến chế độ hạch toán kế toán. Việc quản lý tài sản và sử dụng hiệu quả vốn là rất quan trọng. Chính vì vậy mà mỗi doanh nghiệp phải tự xây dựng cho mình một hướng đi đúng về sách lược ngắn hạn, dài hạn cũng như các kế hoạch SXKD một cách đúng đắn.

Bằng những kiến thức lý luận đã được trang bị kết hợp với thực tiễn nghiên cứu tìm hiểu tại công ty em nhận thấy rằng: kế toán vốn bằng tiền có tác dụng to lớn trong việc quản lý kinh tế và quản trị doanh nghiệp. Vì vậy việc tổ chức hợp lý, chính xác, khoa học, theo dõi sát sao vốn bằng tiền là rất cần thiết. Nó là tiền đề cho sự phát triển của một doanh nghiệp.

Trong thời gian thực tập tại công ty cổ phần xây dựng FCT Việt Nam em đã nhận được sự giúp đỡ nhiệt tình của các cô, chú, anh, chị trong công ty, cùng với sự hướng dẫn tận tình của cô giáo Th.S Văn Hồng Ngọc đã giúp đỡ em hoàn thiện báo cáo thực tập này. Đây là lần đầu tiên em áp dụng lý luận vào thực tiễn, mặc dù bản thân đã có những cố gắng nỗ lực, song thời gian có hạn và trình độ bản thân còn thiếu kinh nghiệm thực tế cũng như tính đa dạng phong phú của chuyên đề đòi hỏi sự linh hoạt trong tư duy nên báo cáo này của em không tránh khỏi những sai sót. Vậy em rất mong được sự đóng góp ý kiến của các thầy cô trong khoa kế toán để báo cáo với chuyên đề “vốn bằng tiền” của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

Hải Phòng, ngày 29 tháng 12 năm 2016

Sinh viên

Nguyễn Thị Thu Trang

